

BỘ TƯ PHÁP

HỎI - ĐÁP LUẬT KHIẾU NẠI, LUẬT TỔ CÁO

LỜI GIỚI THIỆU

Giải quyết khiếu nại, tố cáo là nhiệm vụ quan trọng của các cơ quan nhà nước và là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị. Nâng cao hiệu quả công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo là nội dung quan trọng trong cải cách hành chính nhà nước, bảo vệ quyền công dân, xây dựng xã hội dân chủ, văn minh. Để đáp ứng yêu cầu thực tiễn giải quyết khiếu nại, tố cáo góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế hiện nay, ngày 11/11/2011, tại kỳ họp thứ 2 Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII đã thông qua Luật Khiếu nại và Luật Tố cáo.

Nhằm đáp ứng nhu cầu của cán bộ và nhân dân tìm hiểu Luật Khiếu nại năm 2011 và Luật Tố cáo năm 2011, Vụ phổ biến, giáo dục pháp luật - Bộ Tư pháp biên soạn cuốn: **“Hỏi - Đáp Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo”**. Cuốn sách được trình bày dưới dạng hỏi - đáp ngắn gọn, khoa học, những tình huống cụ thể gắn với nhiều nội dung thiết thực của hai Luật này.

Hy vọng cuốn sách sẽ đáp ứng được nhu cầu tìm hiểu của đông đảo bạn đọc.

Trân trọng giới thiệu!

Hà Nội, tháng 12 năm 2012
NHÀ XUẤT BẢN TƯ PHÁP

PHẦN THỨ NHẤT: LUẬT KHIẾU NẠI

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Khiếu nại là gì? Mục đích của khiếu nại là gì?

Khoản 1 Điều 2 Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11 tháng 11 năm 2011 (sau đây gọi là Luật Khiếu nại năm 2011) quy định: *“Khiếu nại là việc công dân, cơ quan, tổ chức hoặc cán bộ, công chức theo thủ tục do Luật này quy định đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét lại quyết định hành chính, hành vi hành chính của cơ quan hành chính nhà nước, của người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước hoặc quyết định kỷ luật cán bộ, công chức khi có căn cứ cho rằng quyết định hoặc hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.”*

Trong đó:

- Quyết định hành chính là văn bản do cơ quan hành chính nhà nước hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước ban hành để quyết định về một vấn đề cụ thể trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước được áp dụng một lần đối với một hoặc một số đối tượng cụ thể. *Ví dụ:* Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố X về thu hồi Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất cấp cho gia đình bà M; Quyết định cưỡng chế thi hành án của Chi cục trưởng Thi hành án huyện K đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Z...

- Hành vi hành chính là hành vi của cơ quan hành chính nhà nước, của người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước thực hiện hoặc không thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật. *Ví dụ:* Hành vi không cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập doanh nghiệp của Sở Kế hoạch và Đầu tư cho Công ty Y khi Công ty này đã nộp đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật; hành vi cản trở việc thi hành án của một số cán bộ thi hành án huyện T sau khi bản án C đã có hiệu lực pháp luật...

- Quyết định kỷ luật là quyết định bằng văn bản của người đứng đầu cơ quan, tổ chức để áp dụng một trong các hình thức kỷ luật đối với cán bộ, công chức thuộc quyền quản lý của mình theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức. *Ví dụ:* Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X về việc xử lý kỷ luật cách chức Trưởng phòng Tài nguyên - Môi trường huyện do có hành vi vi phạm quy định về quản lý; Quyết định của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Y về việc cảnh cáo Chi cục phó Chi cục Thuế huyện M thuộc tỉnh do có hành vi bao che cho một số doanh nghiệp trên địa bàn gian lận thuế...

Như vậy, mục đích của việc khiếu nại trước hết là nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khiếu nại khỏi bị xâm hại bởi những việc làm, những quyết định, chính sách trái pháp luật của các cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền trong các cơ quan nhà nước. Suy rộng ra mục đích của khiếu nại chính là nhằm bảo đảm cho các quy định pháp luật liên quan tới các quyền, lợi ích của cơ quan, tổ chức, công dân được thực hiện nghiêm chỉnh; giúp cho hoạt động quản lý, điều hành của các cơ quan, tổ chức nhà nước có hiệu quả, các quyết định, hành vi hành chính trái pháp luật được sửa đổi hoặc bãi bỏ kịp thời, ngăn ngừa các vi phạm pháp luật có thể xảy ra từ phía những người thực thi công vụ... góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước.

2. Xin hỏi trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong giải quyết khiếu nại và phối hợp giải quyết khiếu nại được pháp luật quy định như thế nào?

Trách nhiệm giải quyết khiếu nại và phối hợp giải quyết khiếu nại của các cơ quan, tổ chức, cá nhân được quy định tại Điều 5 Luật Khiếu nại năm 2011, theo đó, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm:

- Tiếp nhận, giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các khiếu nại, xử lý nghiêm minh người vi phạm; áp dụng biện pháp cần thiết nhằm ngăn chặn thiệt hại có thể xảy ra; bảo đảm cho quyết định giải quyết khiếu nại được thi hành nghiêm chỉnh và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình.

- Phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm

quyền trong việc giải quyết khiếu nại; cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến việc khiếu nại theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân đó.

- Kiểm tra, xem xét lại quyết định hành chính, hành vi hành chính, quyết định kỷ luật của mình; nếu trái pháp luật phải kịp thời sửa chữa, khắc phục, tránh phát sinh khiếu nại.

Nhà nước khuyến khích việc hòa giải tranh chấp giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân trước khi cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết tranh chấp đó.

3. Theo quy định của pháp luật, những hành vi nào bị cấm khi thực hiện khiếu nại và giải quyết khiếu nại?

Điều 6 Luật Khiếu nại năm 2011 quy định các hành vi bị nghiêm cấm khi thực hiện khiếu nại và giải quyết khiếu nại, cụ thể là:

- Cản trở, gây phiền hà cho người thực hiện quyền khiếu nại; đe dọa trả thù, trù dập người khiếu nại.

- Thiếu trách nhiệm trong việc giải quyết khiếu nại; không giải quyết khiếu nại; làm sai lệch thông tin, tài liệu, hồ sơ vụ việc khiếu nại; cố ý giải quyết khiếu nại trái pháp luật.

- Ra quyết định giải quyết khiếu nại không bằng hình thức quyết định.

- Bao che cho người bị khiếu nại, can thiệp trái pháp luật vào việc giải quyết khiếu nại.

- Cố tình khiếu nại sai sự thật.

- Kích động, xúi giục, cưỡng ép, dụ dỗ, mua chuộc, lôi kéo người khác tập trung đông người khiếu nại, gây rối an ninh, trật tự công cộng.

- Lợi dụng việc khiếu nại để tuyên truyền chống Nhà nước, xâm phạm lợi ích của Nhà nước; xuyên tạc, vu khống, đe dọa, xúc phạm uy tín, danh dự của cơ quan, tổ chức, người có trách nhiệm giải quyết khiếu nại, người thi hành nhiệm vụ, công vụ khác.

- Vi phạm quy chế tiếp công dân.

- Vi phạm các quy định khác của pháp luật về khiếu nại và giải quyết khiếu nại.

II. KHIẾU NẠI QUYẾT ĐỊNH HÀNH CHÍNH, HÀNH VI HÀNH CHÍNH

4. Ông A không đồng ý với Quyết định của Ủy ban nhân dân huyện về thu hồi 2.000 m² đất của gia đình ông để giao cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn K sử dụng. Trong trường hợp này ông A cần làm gì để bảo vệ quyền lợi cho gia đình mình?

Khoản 1 Điều 7 Luật Khiếu nại năm 2011 quy định về trình tự khiếu nại như sau:

- Khi có căn cứ cho rằng quyết định hành chính, hành vi hành chính là trái pháp luật, xâm phạm trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của mình thì người khiếu nại khiếu nại lần đầu đến người đã ra quyết định hành chính hoặc cơ quan có người có hành vi hành chính hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- Trường hợp người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu hoặc quá thời hạn quy định mà khiếu nại không được giải quyết thì có quyền khiếu nại lần hai đến Thủ trưởng cấp trên trực tiếp của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- Trường hợp người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần hai hoặc hết thời hạn quy định mà khiếu nại không được giải quyết thì có quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Như vậy, nếu ông A cho rằng Quyết định của Ủy ban nhân dân huyện về thu hồi diện tích đất của gia đình ông là trái pháp luật như: vi phạm thủ tục thu hồi đất, thu hồi không đúng mục đích, thu hồi quá diện tích trong kế hoạch... thì ông A có quyền:

- Khiếu nại lần đầu lên Ủy ban nhân dân huyện hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án.

- Trường hợp ông A không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu hoặc quá thời hạn quy định mà khiếu nại không được giải quyết thì có quyền khiếu nại lần hai đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án.

- Trường hợp ông A không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần hai hoặc hết thời hạn quy định mà khiếu nại không được giải quyết thì có quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án.

5. Gia đình tôi cùng vài chục hộ dân khác trong thôn đều không đồng ý với giá đền bù trong Quyết định bồi thường giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Ủy ban nhân dân huyện cho chúng tôi. Vậy chúng tôi cùng nhau làm chung một đơn khiếu nại được không? Đơn khiếu nại cần có những nội dung gì?

Căn cứ Điều 8 Luật Khiếu nại năm 2011 thì việc khiếu nại có thể thực hiện bằng đơn hoặc khiếu nại trực tiếp. Nếu ông (bà) chọn hình thức viết đơn khiếu nại thì trong đơn ông (bà) phải ghi rõ ngày, tháng, năm khiếu nại; tên, địa chỉ của ông (bà); tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức, cá nhân bị khiếu nại; nội dung, lý do khiếu nại; tài liệu liên quan đến nội dung khiếu nại và yêu cầu giải quyết của ông (bà). Đơn khiếu nại phải do ông (bà) ký tên hoặc điểm chỉ.

Trường hợp ông (bà) và nhiều người khác đều muốn khiếu nại mức bồi thường trong Quyết định bồi thường của Ủy ban nhân dân huyện, tức khiếu nại về cùng một nội dung thì có thể cùng viết chung một đơn, ngoài những nội dung như trường hợp ông (bà) một mình khiếu nại như trên thì trong đơn còn có chữ ký của những người khiếu nại khác và phải cử người đại diện để trình bày khi có yêu cầu của người giải quyết khiếu nại.

6. Ngày 15/02/2012 tôi nhận Quyết định thu hồi đất của Ủy ban nhân dân huyện X, mặc dù không đồng ý nhưng vì đang bị bệnh nên tôi không khiếu nại được. Ngày 2/6/2012, tôi nộp Đơn khiếu nại thì bị từ chối với lý do hết thời hiệu khiếu nại. Xin hỏi việc từ chối giải quyết đơn của Ủy ban nhân dân huyện X có đúng pháp luật không?

Theo quy định tại Điều 9 Luật Khiếu nại năm 2011 thì thời hiệu khiếu nại là 90 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hành chính hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính. Trường hợp vì ốm đau, thiên

tai, dịch họa, đi công tác, học tập ở nơi xa hoặc vì những trở ngại khách quan khác mà không thực hiện được quyền khiếu nại theo đúng thời gian như trên thì thời gian có trở ngại không tính vào thời hiệu khiếu nại.

Trường hợp trên, nếu ông (bà) chứng minh được việc khiếu nại không đúng thời hạn vì bị ốm đau (có xác nhận của cơ sở y tế, bệnh viện...), thì thời gian ông (bà) bị bệnh không tính vào thời hiệu khiếu nại.

7. Người đã gửi đơn khiếu nại thì có quyền rút lại đơn khiếu nại của mình không? Xin hỏi, pháp luật quy định về trường hợp này như thế nào?

Người khiếu nại có thể rút khiếu nại tại bất cứ thời điểm nào trong quá trình khiếu nại và giải quyết khiếu nại (Điều 10 Luật Khiếu nại năm 2011). Tuy nhiên, việc rút khiếu nại phải được thực hiện bằng đơn có chữ ký hoặc điểm chỉ của người khiếu nại; đơn xin rút khiếu nại phải gửi đến người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại.

8. Các khiếu nại nào sẽ không được cơ quan có thẩm quyền thụ lý giải quyết?

Điều 11 Luật Khiếu nại năm 2011 quy định về các khiếu nại không được thụ lý giải quyết bao gồm:

- Quyết định hành chính, hành vi hành chính trong nội bộ cơ quan nhà nước để chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ, công vụ; quyết định hành chính, hành vi hành chính trong chỉ đạo điều hành của cơ quan hành chính cấp trên với cơ quan hành chính cấp dưới; quyết định hành chính có chứa đựng các quy phạm pháp luật do cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền ban hành theo trình tự, thủ tục của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật; quyết định hành chính, hành vi hành chính thuộc phạm vi bí mật nhà nước trong các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, ngoại giao theo danh mục do Chính phủ quy định;

- Quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu nại không liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khiếu nại;

- Người khiếu nại không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ mà không có người đại diện hợp pháp;

- Người đại diện không hợp pháp thực hiện khiếu nại;

- Đơn khiếu nại không có chữ ký hoặc điểm chỉ của người khiếu nại;

- Thời hiệu, thời hạn khiếu nại đã hết mà không có lý do chính đáng;

- Khiếu nại đã có quyết định giải quyết khiếu nại lần hai;

- Có văn bản thông báo đình chỉ việc giải quyết khiếu nại mà sau 30 ngày người khiếu nại không tiếp tục khiếu nại;

- Việc khiếu nại đã được Tòa án thụ lý hoặc đã được giải quyết bằng bản án, quyết định của Tòa án, trừ quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính của Tòa án.

9. Nhận thấy một chủ đầu tư công trình xây dựng trên địa bàn có hành vi xây dựng sai với nội dung được cấp trong giấy phép, sau nhiều lần nhắc nhở, Ủy ban nhân dân Quận ra quyết định cưỡng chế buộc khôi phục lại nguyên trạng. Phía chủ đầu tư không đồng ý với Quyết định này đã làm đơn khiếu nại lên Ủy ban nhân dân Quận. Vậy trong thời gian khiếu nại, chủ đầu tư công trình có phải chấp hành Quyết định từ phía Ủy ban nhân dân hay không?

Khoản 2 Điều 12 Luật Khiếu nại năm 2011 quy định về nghĩa vụ của người khiếu nại, theo đó người khiếu nại phải "*Chấp hành quyết định hành chính, hành vi hành chính mà mình khiếu nại trong thời gian khiếu nại, trừ trường hợp quyết định, hành vi đó bị tạm đình chỉ thi hành theo quy định tại Điều 35 của Luật này;*". Như vậy, trong thời gian khiếu nại, vì cơ quan nhà nước không áp dụng việc tạm đình chỉ thi hành nào nên chủ đầu tư công trình xây dựng vẫn phải chấp hành Quyết định cưỡng chế từ phía Ủy ban nhân dân Quận (Xem thêm câu 26).

10. Xin cho biết nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân bị khiếu nại được pháp luật quy định như thế nào?

Khoản 2 Điều 13 Luật Khiếu nại năm 2011 quy định về nghĩa vụ của người bị khiếu nại, theo đó, khi nhận được vụ việc khiếu nại thì cơ quan, tổ chức, cá nhân bị

khiếu nại có các nghĩa vụ sau:

- Tham gia đối thoại hoặc ủy quyền cho người đại diện hợp pháp tham gia đối thoại;

- Chấp hành quyết định xác minh nội dung khiếu nại của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết khiếu nại;

- Cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung khiếu nại, giải trình về tính hợp pháp, đúng đắn của quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu nại khi người giải quyết khiếu nại hoặc cơ quan, đơn vị kiểm tra, xác minh yêu cầu trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày có yêu cầu;

- Chấp hành nghiêm chỉnh quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật;

- Sửa đổi hoặc hủy bỏ quyết định hành chính, chấm dứt hành vi hành chính bị khiếu nại;

- Bồi thường, bồi hoàn thiệt hại do quyết định hành chính, hành vi hành chính trái pháp luật của mình gây ra theo quy định của pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

11. Quyền và nghĩa vụ của người giải quyết khiếu nại lần đầu được quy định như thế nào?

Điều 14 Luật Khiếu nại năm 2011 quy định về quyền và nghĩa vụ của người giải quyết khiếu nại lần đầu, theo đó:

- *Người giải quyết khiếu nại lần đầu có các quyền sau đây:*

+ Yêu cầu người khiếu nại, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày có yêu cầu để làm cơ sở giải quyết khiếu nại;

+ Quyết định áp dụng, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp theo quy định tại Điều 35 của Luật Khiếu nại năm 2011.

- *Người giải quyết khiếu nại lần đầu có các nghĩa vụ sau đây:*

+ Tiếp nhận khiếu nại và thông báo bằng văn bản cho người khiếu nại, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền chuyển khiếu nại đến và cơ quan thanh tra nhà nước cùng

cấp về việc thụ lý giải quyết khiếu nại đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu nại;

+ Giải quyết khiếu nại đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính khi người khiếu nại yêu cầu;

+ Tổ chức đối thoại với người khiếu nại, người bị khiếu nại và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;

+ Gửi quyết định giải quyết khiếu nại cho người khiếu nại và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc giải quyết khiếu nại của mình; trường hợp khiếu nại do cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền chuyển đến thì phải thông báo kết quả giải quyết khiếu nại cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đó theo quy định của pháp luật;

+ Cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ liên quan đến nội dung khiếu nại khi người khiếu nại yêu cầu; cung cấp hồ sơ giải quyết khiếu nại khi người giải quyết khiếu nại lần hai hoặc Tòa án yêu cầu.

- Người giải quyết khiếu nại lần đầu giải quyết bồi thường, bồi hoàn thiệt hại do quyết định hành chính, hành vi hành chính gây ra theo quy định của pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

- Người giải quyết khiếu nại lần đầu thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

12. Người giải quyết khiếu nại lần hai có quyền và nghĩa vụ gì?

Người giải quyết khiếu nại lần hai có quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 15 Luật Khiếu nại năm 2011. Cụ thể như sau:

- *Về quyền:*

+ Yêu cầu người khiếu nại, người bị khiếu nại, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày có yêu cầu để làm cơ sở giải quyết khiếu nại;

+ Quyết định áp dụng, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp theo quy định tại Điều 35 của Luật Khiếu nại năm 2011;

+ Triệu tập cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia đối thoại;

+ Trưng cầu giám định;

+ Tham khảo ý kiến của Hội đồng tư vấn khi xét

thấy cần thiết.

- Về nghĩa vụ:

+ Tiếp nhận, thụ lý, lập hồ sơ vụ việc khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết;

+ Kiểm tra, xác minh nội dung khiếu nại;

+ Tổ chức đối thoại với người khiếu nại, người bị khiếu nại và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;

+ Ra quyết định giải quyết khiếu nại và công bố quyết định giải quyết khiếu nại;

+ Cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung khiếu nại khi người khiếu nại, người bị khiếu nại hoặc Tòa án yêu cầu.

- Người giải quyết khiếu nại lần hai thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

+ Xuất trình thẻ luật sư, thẻ trợ giúp viên pháp lý và quyết định phân công trợ giúp pháp lý, giấy yêu cầu giúp đỡ về pháp luật hoặc giấy ủy quyền của người khiếu nại;

+ Thực hiện đúng nội dung, phạm vi mà người khiếu nại đã ủy quyền.

Ngoài ra, Luật sư T còn thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

13. Luật sư T được ủy quyền thay mặt chị H thu thập chứng cứ và viết đơn khiếu nại lên Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường do không đồng ý với nội dung xử phạt bổ sung trong Quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Vậy khi đó, Luật sư T sẽ có quyền và nghĩa vụ gì theo quy định của pháp luật?

Luật sư T có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 16 Luật Khiếu nại năm 2011 về quyền, nghĩa vụ của luật sư, trợ giúp viên pháp lý như sau:

- Về quyền:

+ Tham gia vào quá trình giải quyết khiếu nại theo đề nghị của người khiếu nại;

+ Thực hiện các quyền, nghĩa vụ của người khiếu nại khi được ủy quyền;

+ Xác minh, thu thập chứng cứ có liên quan đến nội dung khiếu nại theo yêu cầu của người khiếu nại và cung cấp chứng cứ cho người giải quyết khiếu nại;

+ Nghiên cứu hồ sơ vụ việc, sao chụp, sao chép tài liệu, chứng cứ có liên quan đến nội dung khiếu nại để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khiếu nại, trừ thông tin, tài liệu thuộc bí mật nhà nước.

- Về nghĩa vụ:

III. GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

14. Tôi đã nộp đủ hồ sơ hợp lệ nhưng Phòng Tài nguyên - Môi trường quận M không tiến hành các thủ tục để xác minh nhà đất cho tôi theo đúng thời hạn quy định. Xin hỏi, nếu tôi khiếu nại hành vi chậm giải quyết hồ sơ của một số cán bộ Phòng Tài nguyên - Môi trường thì ai sẽ là người giải quyết đơn khiếu nại của tôi?

Theo Điều 17 Luật Khiếu nại năm 2011 quy định về thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì Thủ trưởng cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình, của người có trách nhiệm do mình quản lý trực tiếp.

Như vậy, trong trường hợp này, Trưởng phòng Tài nguyên - Môi trường quận M sẽ là người ra quyết định giải quyết khiếu nại cho ông (bà).

15. Anh B là chuyên viên làm việc tại văn phòng Ủy ban nhân dân huyện C. Trong quá trình làm việc, anh B có hành vi vi phạm kỷ luật và bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân ra quyết định kỷ luật với hình thức cảnh cáo. Anh B cho rằng hình thức kỷ luật này là quá nặng, vậy, trong trường hợp này thì anh B sẽ khiếu nại đến ai?

Trong trường hợp không đồng ý với Quyết định kỷ luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện thì anh B cần làm đơn khiếu nại lên chính Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện để đề nghị, xem xét, giải quyết. Khoản 1 Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011 quy định Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện có thẩm quyền: “Giải quyết khiếu nại lần đầu đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình”.

16. Xin hỏi thẩm quyền của Thủ trưởng cơ quan thuộc sở và cấp tương đương trong việc giải quyết khiếu nại lần đầu được pháp luật quy định như thế nào?

Điều 19 Luật Khiếu nại năm 2011 quy định về thẩm quyền của Thủ trưởng cơ quan thuộc sở và cấp tương đương. Theo đó, Thủ trưởng cơ quan thuộc sở và cấp tương đương có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình, của cán bộ, công chức do mình quản lý trực tiếp.

17. Bà Hương nộp đơn khiếu nại đối với hành vi thực hiện công vụ của anh Hoài - một cán bộ Phòng Hành chính tư pháp của Sở Tư pháp tỉnh. Theo quy định của pháp luật, ai sẽ có thẩm quyền giải quyết trường hợp này?

Điều 20 Luật Khiếu nại năm 2011 quy định thẩm quyền của Giám đốc sở và cấp tương đương:

- Giải quyết khiếu nại lần đầu đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình, của cán bộ, công chức do mình quản lý trực tiếp.

- Giải quyết khiếu nại lần hai đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của Thủ trưởng cơ quan thuộc sở và cấp tương đương đã giải quyết lần đầu nhưng còn khiếu nại hoặc khiếu nại lần đầu đã hết thời hạn nhưng chưa được giải quyết.

Như vậy, chiếu theo quy định trên việc giải quyết khiếu nại đối với hành vi của anh Hoài thuộc thẩm quyền của Giám đốc Sở Tư pháp.

18. Bà Nga nguyên là cán bộ Sở Tài nguyên và Môi trường khiếu nại lên Giám đốc sở về việc giải quyết chế độ hưu trí đối với bà. Bà Nga không đồng ý với quyết định giải quyết lần đầu. Theo quy định của pháp luật, bà Nga có thể tiếp tục gửi đơn khiếu nại đến cơ quan nào?

Bà Nga có thể tiếp tục gửi đơn khiếu nại lên Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, vì theo quy định tại Điều 21 Luật Khiếu nại năm 2011 có quy định thẩm quyền của

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh như sau:

- Giải quyết khiếu nại lần đầu đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình.

- Giải quyết khiếu nại lần hai đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Giám đốc sở và cấp tương đương đã giải quyết lần đầu nhưng còn khiếu nại hoặc khiếu nại lần đầu đã hết thời hạn nhưng chưa được giải quyết.

- Giải quyết tranh chấp về thẩm quyền giải quyết khiếu nại giữa các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của mình.

Như vậy, bà Nga có thể gửi tiếp đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

19. Xin cho biết thẩm quyền giải quyết khiếu nại của Thủ trưởng cơ quan thuộc bộ, thuộc cơ quan ngang bộ, thuộc cơ quan thuộc Chính phủ được pháp luật quy định như thế nào?

Theo Điều 22 Luật Khiếu nại năm 2011 thẩm quyền của Thủ trưởng cơ quan thuộc bộ, thuộc cơ quan ngang bộ, thuộc cơ quan thuộc Chính phủ được quy định cụ thể như sau:

Thủ trưởng cơ quan thuộc bộ, thuộc cơ quan ngang bộ, thuộc cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi chung là Thủ trưởng cơ quan thuộc bộ) có thẩm quyền giải quyết khiếu nại đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình, của cán bộ, công chức do mình quản lý trực tiếp. *Ví dụ:* Cục trưởng T thuộc Bộ M có quyền giải quyết khiếu nại đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình, của cán bộ, công chức do mình quản lý trực tiếp.

20. Bà Lan khiếu nại đối với quyết định hành chính của anh Hưng - một công chức của Cục D, Bộ K. Mặc dù Cục trưởng đã giải quyết lần đầu nhưng bà Lan không đồng ý với quyết định đó. Bà muốn khiếu nại tiếp thì khiếu nại đến ai?

Theo quy định tại Điều 23 Luật Khiếu nại năm 2011, Bộ trưởng có thẩm quyền giải quyết đối với các

khiếu nại sau:

- Giải quyết khiếu nại lần đầu đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình, của cán bộ, công chức do mình quản lý trực tiếp.

- Giải quyết khiếu nại lần hai đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của Thủ trưởng cơ quan thuộc bộ đã giải quyết lần đầu nhưng còn khiếu nại hoặc khiếu nại lần đầu đã hết thời hạn nhưng chưa được giải quyết.

- Giải quyết khiếu nại lần hai đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có nội dung thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của bộ, ngành đã giải quyết lần đầu nhưng còn khiếu nại hoặc khiếu nại lần đầu đã hết thời hạn nhưng chưa được giải quyết.

- Giải quyết tranh chấp về thẩm quyền giải quyết khiếu nại giữa các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của mình.

Như vậy, theo quy định trên bà Lan tiếp tục nộp đơn khiếu nại lần hai đến Bộ trưởng Bộ K vì Bộ trưởng có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của Thủ trưởng cơ quan thuộc bộ đã giải quyết lần đầu nhưng còn khiếu nại.

21. Xin cho biết, việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu được pháp luật quy định như thế nào?

* *Việc thụ lý giải quyết khiếu nại* được quy định tại Điều 27 Luật Khiếu nại năm 2011 như sau:

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại thuộc thẩm quyền mà không thuộc một trong các trường hợp được quy định tại Điều 11 của Luật Khiếu nại năm 2011, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu phải thụ lý giải quyết; thông báo bằng văn bản cho người khiếu nại, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền chuyển khiếu nại đến và cơ quan thanh tra nhà nước cùng cấp biết, trường hợp không thụ lý giải quyết thì phải nêu rõ lý do.

* *Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu* quy định tại Điều 28 Luật khiếu nại năm 2011 như sau:

Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì

thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý.

Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì thời hạn giải quyết khiếu nại không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý.

22. Xin cho biết nội dung khiếu nại có phải xác minh hay không? Việc xác minh nội dung khiếu nại được thực hiện qua các hình thức nào?

Theo Điều 29 Luật Khiếu nại năm 2011 quy định: Trong trường hợp chưa có cơ sở kết luận nội dung khiếu nại thì người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu tự mình tiến hành xác minh, kết luận nội dung khiếu nại hoặc giao cơ quan thanh tra nhà nước cùng cấp hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm xác minh nội dung khiếu nại, kiến nghị giải quyết khiếu nại.

Việc xác minh phải bảo đảm khách quan, chính xác, kịp thời thông qua các hình thức sau đây:

- Kiểm tra, xác minh trực tiếp tại địa điểm phát sinh khiếu nại;
- Kiểm tra, xác minh thông qua các tài liệu, chứng cứ mà người khiếu nại, người bị khiếu nại, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp;
- Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình xác minh, người có trách nhiệm xác minh có quyền: Yêu cầu người khiếu nại, người bị khiếu nại, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu và chứng cứ về nội dung khiếu nại; yêu cầu người khiếu nại, người bị khiếu nại, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan giải trình bằng văn bản về nội dung liên quan khiếu nại; triệu tập người khiếu nại, người bị khiếu nại, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; trưng cầu giám định; tiến hành các biện pháp kiểm tra, xác minh khác theo quy định của pháp luật. Đồng thời người có trách nhiệm xác minh có nghĩa vụ báo cáo kết quả xác minh và chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả xác minh với nội dung: Đối tượng xác minh; thời gian tiến hành xác minh; người tiến hành xác minh; nội dung xác minh; kết quả xác

minh; kết luận và kiến nghị nội dung giải quyết khiếu nại.

23. Ông Mạnh đến Ủy ban nhân dân xã khiếu nại về hành vi vi phạm của ông Lương - cán bộ tư pháp - hộ tịch xã. Trong quá trình giải quyết, yêu cầu của ông Mạnh và kết quả xác minh nội dung khiếu nại khác nhau. Để làm rõ nội dung khiếu nại, yêu cầu của ông Mạnh và hướng giải quyết khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã cần tiến hành những hoạt động gì?

Trong trường hợp trên, theo quy định tại Điều 30 Luật Khiếu nại năm 2011 thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã cần tổ chức đối thoại với ông Mạnh, cán bộ tư pháp - hộ tịch xã, người có quyền và nghĩa vụ liên quan, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu có) để làm rõ nội dung khiếu nại, yêu cầu của ông Mạnh và hướng giải quyết khiếu nại.

Việc đối thoại phải được tiến hành công khai, dân chủ.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm thông báo bằng văn bản với ông Mạnh, cán bộ tư pháp - hộ tịch xã, người có quyền và nghĩa vụ liên quan, cơ quan, tổ chức có liên quan biết thời gian, địa điểm, nội dung việc đối thoại.

Khi đối thoại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã phải nêu rõ nội dung cần đối thoại, kết quả xác minh nội dung khiếu nại; người tham gia đối thoại có quyền trình bày ý kiến, đưa ra chứng cứ liên quan đến khiếu nại và yêu cầu của mình.

Việc đối thoại phải được lập thành biên bản; biên bản phải ghi rõ ý kiến của những người tham gia, kết quả đối thoại, có chữ ký hoặc chỉ của người tham gia; trường hợp người tham gia đối thoại không ký, biên bản chỉ xác nhận thì phải ghi rõ lý do; biên bản này được lưu vào hồ sơ vụ việc khiếu nại.

Kết quả đối thoại là một trong các căn cứ để giải quyết khiếu nại.

24. Theo quy định của pháp luật, quyết

quả
điểm
25.

định giải quyết khiếu nại lần đầu gồm những nội dung gì?

Theo quy định tại khoản 2 Điều 31 Luật Khiếu nại năm 2011 thì quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu phải có các nội dung sau đây:

- Ngày, tháng, năm ra quyết định;
- Tên, địa chỉ người khiếu nại, người bị khiếu nại;
- Nội dung khiếu nại;
- Kết quả xác minh nội dung khiếu nại;
- Kết quả đối thoại (nếu có);
- Căn cứ pháp luật để giải quyết khiếu nại;
- Kết luận nội dung khiếu nại;
- Giữ nguyên, sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ một phần hay toàn bộ quyết định hành chính, chấm dứt hành vi hành chính bị khiếu nại; giải quyết các vấn đề cụ thể trong nội dung khiếu nại;
- Việc bồi thường thiệt hại cho người bị thiệt hại (nếu có);
- Quyền khiếu nại lần hai, quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án.

Ông Trung khiếu nại lần đầu ở Ủy ban nhân dân huyện nhưng không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện. Ông Trung cư trú ở địa bàn vùng sâu vùng xa, nay ông muốn khiếu nại lần hai thì phải thực hiện trong vòng bao nhiêu ngày kể từ ngày nhận quyết định khiếu nại lần đầu?

Ông Trung muốn khiếu nại lần hai thì phải thực hiện trong vòng 45 ngày kể từ ngày nhận quyết định khiếu nại lần đầu. Theo khoản 1 Điều 33 Luật Khiếu nại năm 2011 quy định về việc khiếu nại lần hai hoặc khởi kiện vụ án hành chính, cụ thể: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hết thời hạn giải quyết khiếu nại quy định tại Điều 28 của Luật Khiếu nại năm 2011 mà khiếu nại lần đầu không được giải quyết hoặc kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu mà người khiếu nại không đồng ý thì có quyền khiếu nại đến người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai; đối với vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì thời hạn có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày.

Trường hợp khiếu nại lần hai thì người khiếu nại phải gửi đơn kèm theo quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu, các tài liệu có liên quan cho người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai.

26. Xin cho biết trong quá trình giải quyết khiếu nại, những trường hợp nào được áp dụng biện pháp khẩn cấp?

Điều 35 Luật Khiếu nại năm 2011 quy định về áp dụng biện pháp khẩn cấp như sau:

Trong quá trình giải quyết khiếu nại, nếu xét thấy việc thi hành quyết định hành chính bị khiếu nại sẽ gây hậu quả khó khắc phục, thì người giải quyết khiếu nại phải ra quyết định tạm đình chỉ việc thi hành quyết định đó. Thời hạn tạm đình chỉ không vượt quá thời gian còn lại của thời hạn giải quyết. Quyết định tạm đình chỉ phải được gửi cho người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền, nghĩa vụ liên quan và những người có trách nhiệm thi hành khác. Khi xét thấy lý do của việc tạm đình chỉ không còn thì phải hủy bỏ ngay quyết định tạm đình chỉ đó.

Như vậy, biện pháp khẩn cấp được áp dụng khi xét thấy việc thi hành quyết định hành chính bị khiếu nại sẽ gây hậu quả khó khắc phục.

27. Xin cho biết việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần hai được pháp luật quy định như thế nào?

* Điều 36 Luật Khiếu nại năm 2011 quy định việc *thụ lý giải quyết khiếu nại lần hai* như sau:

- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết của mình và không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 11 của Luật Khiếu nại năm 2011, người giải quyết khiếu nại lần hai phải thụ lý giải quyết và thông báo bằng văn bản cho người khiếu nại, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền đã chuyển khiếu nại đến và cơ quan thanh tra nhà nước cùng cấp biết; trường hợp không thụ lý giải quyết thì phải nêu rõ lý do.

- Đối với vụ việc khiếu nại phức tạp, nếu thấy cần thiết, người giải quyết khiếu nại lần hai thành lập Hội

đồng tư vấn để tham khảo ý kiến giải quyết khiếu nại.

* *Thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai* được quy định tại Điều 37 Luật Khiếu nại năm 2011, cụ thể như sau:

- Thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý.

- Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì thời hạn giải quyết khiếu nại không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn, nhưng không quá 70 ngày, kể từ ngày thụ lý.

28. Xin cho biết việc xác minh nội dung và tổ chức đối thoại lần hai được quy định như thế nào trong Luật Khiếu nại năm 2011?

* *Việc xác minh nội dung khiếu nại lần hai* được quy định tại Điều 38 Luật Khiếu nại năm 2011 như sau: Người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai căn cứ vào nội dung, tính chất của việc khiếu nại, tự mình tiến hành xác minh, kết luận nội dung khiếu nại hoặc giao cho người có trách nhiệm xác minh tiến hành xác minh nội dung khiếu nại và kiến nghị giải quyết khiếu nại. Việc xác minh phải bảo đảm khách quan, chính xác, kịp thời thông qua các hình thức:

- Kiểm tra, xác minh trực tiếp tại địa điểm phát sinh khiếu nại;

- Kiểm tra, xác minh thông qua các tài liệu, chứng cứ mà người khiếu nại, người bị khiếu nại, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp;

- Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Người có trách nhiệm xác minh có các quyền, nghĩa vụ sau:

- Yêu cầu người khiếu nại, người bị khiếu nại, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu và chứng cứ về nội dung khiếu nại;

- Yêu cầu người khiếu nại, người bị khiếu nại, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan giải trình bằng văn bản về nội dung liên quan khiếu nại;

- Triệu tập người khiếu nại, người bị khiếu nại, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;

- Trưng cầu giám định;

- Tiến hành các biện pháp kiểm tra, xác minh khác theo quy định của pháp luật;

- Báo cáo kết quả xác minh và chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả xác minh (gồm các nội dung: Đối tượng xác minh; thời gian tiến hành xác minh; người tiến hành xác minh; nội dung xác minh; kết quả xác minh; kết luận và kiến nghị nội dung giải quyết khiếu nại).

* *Việc tổ chức đối thoại lần hai* được quy định tại Điều 39 Luật Khiếu nại năm 2011: Trong quá trình giải quyết khiếu nại lần hai, người giải quyết khiếu nại tiến hành đối thoại với người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để làm rõ nội dung khiếu nại, yêu cầu của người khiếu nại, hướng giải quyết khiếu nại. Việc tổ chức đối thoại lần hai được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Khiếu nại năm 2011.

29. Xin cho biết quyết định giải quyết khiếu nại lần hai cần có các nội dung nào?

Theo quy định tại khoản 2 Điều 40 Luật Khiếu nại năm 2011, quyết định giải quyết khiếu nại lần hai phải có các nội dung sau:

- Ngày, tháng, năm ra quyết định;

- Tên, địa chỉ của người khiếu nại, người bị khiếu nại;

- Nội dung khiếu nại;

- Kết quả giải quyết khiếu nại của người giải quyết khiếu nại lần đầu;

- Kết quả xác minh nội dung khiếu nại;

- Kết quả đối thoại;

- Căn cứ pháp luật để giải quyết khiếu nại;

- Kết luận nội dung khiếu nại là đúng, đúng một phần hoặc sai toàn bộ. Trường hợp khiếu nại là đúng hoặc đúng một phần thì yêu cầu người có quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu nại sửa đổi, hủy bỏ một phần hay toàn bộ quyết định hành chính,

chấm dứt hành vi hành chính bị khiếu nại. Trường hợp kết luận nội dung khiếu nại là sai toàn bộ thì yêu cầu người khiếu nại, người có quyền, nghĩa vụ liên quan thực hiện nghiêm chỉnh quyết định hành chính, hành vi hành chính;

- Việc bồi thường cho người bị thiệt hại (nếu có);
- Quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án.

30. Xin cho biết việc gửi, công bố quyết định giải quyết khiếu nại được pháp luật quy định như thế nào?

Điều 41 Luật Khiếu nại năm 2011 quy định việc gửi, công bố quyết định giải quyết khiếu nại như sau:

- Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày có quyết định giải quyết khiếu nại, người giải quyết khiếu nại lần hai phải gửi quyết định giải quyết khiếu nại cho người khiếu nại, người bị khiếu nại, người giải quyết khiếu nại lần đầu, người có quyền, nghĩa vụ liên quan, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền chuyển khiếu nại đến.

- Người giải quyết khiếu nại lần hai lựa chọn một hoặc một số hình thức công khai sau đây:

- + Công bố tại cuộc họp cơ quan, tổ chức nơi người bị khiếu nại công tác;
- + Niêm yết tại trụ sở làm việc hoặc nơi tiếp công dân của cơ quan, tổ chức đã giải quyết khiếu nại;
- + Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

31. Kể từ ngày gửi đơn khiếu nại lần hai đến nay đã hơn 02 tháng mà việc khiếu nại của anh Nguyễn Văn A vẫn chưa được cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Có người khuyên anh A gửi đơn yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhưng anh A cho rằng phải chờ kết luận và quyết định giải quyết khiếu nại lần hai thì nếu có gửi đơn khởi kiện, Tòa án mới thụ lý. Xin hỏi anh A hiểu như vậy có đúng với quy định của pháp luật hiện hành hay không?

Theo quy định tại Điều 42 Luật Khiếu nại năm 2011 thì đối với trường hợp khiếu nại lần hai, hết thời hạn

giải quyết khiếu nại mà khiếu nại không được giải quyết hoặc người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần hai thì có quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai là không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý. Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì thời hạn giải quyết khiếu nại không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn, nhưng không quá 70 ngày, kể từ ngày thụ lý.

Đối chiếu với quy định trên, nếu hết thời hạn giải quyết khiếu nại mà khiếu nại không được giải quyết thì anh A có quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của Luật Tố tụng hành chính mà không cần chờ có quyết định giải quyết khiếu nại lần hai của cơ quan có thẩm quyền.

32. Xin hỏi pháp luật quy định như thế nào về hiệu lực pháp luật của quyết định giải quyết khiếu nại?

Điều 44 Luật Khiếu nại năm 2011 quy định về quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật, như sau:

- Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu có hiệu lực pháp luật sau 30 ngày, kể từ ngày ban hành mà người khiếu nại không khiếu nại lần hai; đối với vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì thời hạn có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày.

- Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai có hiệu lực pháp luật sau 30 ngày, kể từ ngày ban hành; đối với vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì thời hạn có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày.

- Trường hợp người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại thì có quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- Quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật có hiệu lực thi hành ngay.

33. Xin cho biết ai là người có trách nhiệm thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật?

Theo quy định tại Điều 45 Luật Khiếu nại năm 2011, những người sau đây có trách nhiệm thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật:

- Người giải quyết khiếu nại;
- Người khiếu nại;
- Người bị khiếu nại;
- Người có quyền, nghĩa vụ liên quan;
- Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

34. Xin hỏi trách nhiệm thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật được quy định như thế nào?

Điều 46 Luật Khiếu nại năm 2011 quy định trách nhiệm thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật như sau:

- Người giải quyết khiếu nại trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý tổ chức thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật; trường hợp cần thiết, yêu cầu cơ quan chức năng có biện pháp để bảo đảm việc thi hành các quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật; tổ chức thi hành hoặc chủ trì, phối hợp với tổ chức, cơ quan hữu quan thực hiện biện pháp nhằm khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp của người khiếu nại; kiến nghị cơ quan, tổ chức khác giải quyết những vấn đề liên quan đến việc thi hành quyết định giải quyết khiếu nại (nếu có).

- Khi quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật, người khiếu nại, người có quyền, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm sau đây:

+ Cộng tác với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong việc khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp của mình đã bị quyết định hành chính, hành vi hành chính trái pháp luật xâm phạm;

+ Chấp hành quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu nại đã được cơ quan có thẩm quyền giải quyết công nhận quyết định hành chính, hành vi hành chính đó đúng pháp luật;

+ Chấp hành quyết định xử lý của cơ quan có thẩm quyền để thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật.

-Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm chấp hành các quyết định hành chính của cơ quan có thẩm quyền để thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật; phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong việc tổ chức thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật khi được yêu cầu.

IV. KHIẾU NẠI, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI QUYẾT ĐỊNH KỶ LUẬT CÁN BỘ, CÔNG CHỨC

Sau khi đi công tác ở ngoài về, anh Q mới quan đã gửi Quyết

35. nước biết cơ định

kỷ luật buộc thôi việc cho anh từ trước đó 01 tháng. Anh Q băn khoăn không biết mình còn thời gian để thực hiện việc khiếu nại hay không?

Thời hiệu khiếu nại đối với các vụ việc giải quyết khiếu nại kỷ luật cán bộ, công chức được thực hiện theo quy định của Điều 48 Luật Khiếu nại năm 2011. Cụ thể như sau:

- Thời hiệu khiếu nại lần đầu là 15 ngày, kể từ ngày cán bộ, công chức nhận được quyết định kỷ luật.

- Thời hiệu khiếu nại lần hai là 10 ngày, kể từ ngày cán bộ, công chức nhận được quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu; đối với quyết định kỷ luật buộc thôi việc thì thời hiệu khiếu nại lần hai là 30 ngày, kể từ ngày cán bộ, công chức nhận được quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu.

- Trường hợp người khiếu nại không thực hiện được

quyền khiếu nại theo đúng thời hiệu vì ốm đau, thiên tai, địch họa, đi công tác, học tập ở nơi xa hoặc vì những trở ngại khách quan khác thì thời gian có trở ngại đó không tính vào thời hiệu khiếu nại.

Đối chiếu với quy định trên, thời gian anh Q đi công tác ở nước ngoài không tính vào thời hiệu khiếu nại. Do đó, anh Q có thể thực hiện quyền khiếu nại của mình trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày anh về nước và nhận được Quyết định kỷ luật.

36. Xin hỏi cán bộ, công chức bị kỷ luật nếu khiếu nại thì có được khiếu nại trực tiếp không?

Điều 49 Luật Khiếu nại năm 2011 quy định hình thức khiếu nại đối với quyết định kỷ luật cán bộ, công chức như sau:

- Việc khiếu nại phải được thực hiện bằng đơn. Trong đơn khiếu nại phải ghi rõ ngày, tháng, năm; họ, tên, địa chỉ của người khiếu nại; nội dung, lý do khiếu nại, yêu cầu của người khiếu nại và có chữ ký của người khiếu nại.

- Đơn khiếu nại lần đầu phải được gửi đến người đã ra quyết định kỷ luật.

- Đơn khiếu nại lần hai được gửi đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai.

Như vậy, cán bộ, công chức bị kỷ luật nếu khiếu nại thì phải khiếu nại bằng đơn, không được khiếu nại bằng hình thức trực tiếp.

37. Đề nghị cho biết thời hạn thụ lý và giải quyết khiếu nại quyết định kỷ luật cán bộ, công chức được quy định như thế nào?

Thời hạn thụ lý và giải quyết khiếu nại quyết định kỷ luật cán bộ, công chức lần đầu, lần hai được quy định tại Điều 50 Luật Khiếu nại năm 2011. Cụ thể như sau:

- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại phải thụ lý để giải quyết và thông báo cho người khiếu

nại biết.

- Thời hạn giải quyết khiếu nại không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý.

38. Chị Q nhận được quyết định kỷ luật từ Thủ trưởng cơ quan nơi chị công tác. Do không đồng ý với hình thức kỷ luật đưa ra nên chị quyết định khiếu nại quyết định này. Xin hỏi ai là người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại cho chị ?

Thẩm quyền giải quyết khiếu nại đối với quyết định xử lý kỷ luật của cán bộ, công chức thực hiện theo quy định tại Điều 51 Luật Khiếu nại năm 2011. Cụ thể như sau:

- Người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý cán bộ, công chức theo phân cấp có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu đối với quyết định kỷ luật do mình ban hành.

- Người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp của cơ quan, tổ chức quản lý cán bộ, công chức có thẩm quyền giải quyết trong trường hợp còn khiếu nại tiếp.

- Bộ trưởng Bộ Nội vụ có thẩm quyền giải quyết khiếu nại đối với quyết định kỷ luật mà Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã giải quyết lần đầu nhưng còn khiếu nại hoặc khiếu nại lần đầu đã hết thời hạn nhưng chưa được giải quyết.

Như vậy, Thủ trưởng cơ quan đã ra quyết định kỷ luật chị Q có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu cho chị. Trong trường hợp chị Q khiếu nại tiếp thì Thủ trưởng cơ quan cấp trên trực tiếp của cơ quan chị sẽ giải quyết khiếu nại cho chị. Ngoài ra, pháp luật cũng quy định trong trường hợp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã giải quyết lần đầu nhưng còn khiếu nại hoặc khiếu nại lần đầu đã hết thời hạn nhưng chưa được giải quyết thì Bộ trưởng Bộ Nội vụ có thẩm quyền giải quyết khiếu nại.

39. Việc xác minh nội dung khiếu nại trong quyết định xử lý kỷ luật cán bộ, công chức thuộc trách nhiệm của cơ quan nào? Pháp luật có quy định việc xác minh đó phải được lập thành văn bản hay không?

Theo quy định tại Điều 52 Luật Khiếu nại năm 2011 thì trong quá trình giải quyết khiếu nại, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại có trách nhiệm trực tiếp hoặc phân công người có trách nhiệm kiểm tra lại quyết định kỷ luật cán bộ, công chức bị khiếu nại, xem xét nội dung khiếu nại. Nếu xét thấy nội dung khiếu nại đã rõ thì yêu cầu Hội đồng kỷ luật cán bộ, công chức xem xét để đề nghị người có thẩm quyền giải quyết.

Trường hợp nội dung khiếu nại chưa được xác định rõ thì tự mình hoặc giao người có trách nhiệm xác minh, kết luận nội dung khiếu nại. Người có trách nhiệm xác minh có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 29 của Luật Khiếu nại năm 2011.

Việc xác minh nội dung khiếu nại phải lập thành văn bản, báo cáo người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại. Sau khi có kết quả xác minh nội dung khiếu nại thì yêu cầu Hội đồng kỷ luật cán bộ, công chức xem xét để đề nghị người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại.

40. Việc tổ chức đối thoại giữa người bị khiếu nại với người khiếu nại có phải là thủ tục bắt buộc khi giải quyết khiếu nại đối với quyết định xử lý kỷ luật cán bộ, công chức hay không? Thủ tục tổ chức đối thoại được pháp luật quy định như thế nào?

Theo quy định tại Điều 53 Luật Khiếu nại năm 2011 thì việc tổ chức đối thoại là thủ tục bắt buộc trong giải quyết khiếu nại quyết định xử lý kỷ luật cán bộ, công chức. Trước khi giải quyết khiếu nại, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại phải tổ chức đối thoại với người khiếu nại.

Thành phần tham gia đối thoại bao gồm người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại chủ trì, người khiếu nại, người có trách nhiệm xác minh, những người khác có liên quan.

Khi đối thoại, người giải quyết khiếu nại phải nêu rõ nội dung cần đối thoại, kết quả xác minh nội dung khiếu nại; người tham gia đối thoại có quyền trình bày ý kiến, đưa ra chứng cứ liên quan đến khiếu nại và yêu

cầu của mình.

Việc đối thoại phải được lập thành biên bản; biên bản phải ghi rõ ý kiến của những người tham gia, kết quả đối thoại, có chữ ký của người tham gia; trường hợp người tham gia đối thoại không ký xác nhận thì phải ghi rõ lý do; biên bản này được lưu vào hồ sơ giải quyết khiếu nại.

Kết quả đối thoại là một trong các căn cứ để giải quyết khiếu nại.

Theo quy định của pháp luật, quyết định giải khiếu nại lần đầu quyết định kỷ luật cán bộ, công chức cần có những nội dung gì?

Theo quy định tại Điều 54 Luật Khiếu nại năm 2011 thì người giải quyết khiếu nại lần đầu phải ra quyết định giải quyết khiếu nại bằng văn bản. Quyết định giải quyết khiếu nại phải có các nội dung sau đây:

- Ngày, tháng, năm ra quyết định;
- Tên, địa chỉ của người khiếu nại, người bị khiếu nại;
- Nội dung khiếu nại;
- Kết quả xác minh nội dung khiếu nại;
- Kết quả đối thoại;
- Căn cứ pháp luật để giải quyết khiếu nại;
- Kết luận nội dung khiếu nại là đúng, đúng một phần hoặc sai toàn bộ;
- Giữ nguyên, sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ một phần hay toàn bộ quyết định kỷ luật bị khiếu nại;
- Việc bồi thường cho người bị thiệt hại (nếu có);
- Quyền khiếu nại lần hai hoặc quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án đối với quyết định kỷ luật buộc thôi việc.

Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu phải được gửi cho người khiếu nại và cơ quan, tổ chức hữu quan.

Theo quy định của pháp luật, thành phần tham gia đối thoại giải quyết khiếu nại quyết định kỷ

luật cán bộ, công chức gồm những ai?

Thành phần tham gia đối thoại được thực hiện theo quy định tại Điều 55 Luật Khiếu nại năm 2011, gồm:

- Người khiếu nại;
- Người có trách nhiệm xác minh nội dung khiếu nại;
- Người bị khiếu nại.

43. Quyết định giải quyết khiếu nại quyết định kỷ luật cán bộ, công chức lần hai phải được gửi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân nào? Gồm những nội dung gì?

Theo quy định tại Điều 56 Luật Khiếu nại năm 2011 thì quyết định giải quyết khiếu nại lần hai đối với quyết định kỷ luật cán bộ, công chức phải được gửi cho người khiếu nại, người giải quyết khiếu nại lần đầu, người có quyền, nghĩa vụ liên quan trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày ban hành.

Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải được gửi cho Tổng thanh tra Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai phải có những nội dung sau đây:

- Ngày, tháng, năm ra quyết định;
- Tên, địa chỉ của người khiếu nại, người bị khiếu nại;
- Nội dung khiếu nại;
- Kết quả xác minh;
- Kết quả đối thoại;
- Căn cứ pháp luật để giải quyết khiếu nại;
- Kết luận về từng vấn đề cụ thể trong nội dung khiếu nại của người bị kỷ luật và việc giải quyết của người giải quyết khiếu nại lần đầu;
- Việc bồi thường cho người bị thiệt hại (nếu có);
- Quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án đối với quyết định kỷ luật buộc thôi việc.

44. Đề nghị cho biết quyết định giải quyết khiếu nại quyết định kỷ luật cán bộ, công chức sẽ có hiệu lực pháp luật sau bao lâu kể từ ngày ban hành?

Hiệu lực của quyết định giải quyết khiếu nại quyết định kỷ luật cán bộ, công chức được thực hiện theo quy định của Điều 57 Luật Khiếu nại năm 2011. Cụ thể như sau:

- Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu có hiệu lực pháp luật sau 30 ngày, kể từ ngày ban hành mà người khiếu nại không khiếu nại lần hai.
- Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai có hiệu lực pháp luật sau 30 ngày, kể từ ngày ban hành.

Quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật có hiệu lực thi hành ngay.

Trường hợp công chức giữ chức vụ từ Tổng cục trưởng và tương đương trở xuống bị kỷ luật buộc thôi việc mà không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại đối với Quyết định kỷ luật buộc thôi việc hoặc hết thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu, lần hai theo quy định tại Điều 50 của Luật Khiếu nại năm 2011 mà khiếu nại không được giải quyết thì có quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

45. Xin hỏi việc thi hành quyết định giải quyết khiếu nại đối với quyết định kỷ luật cán bộ, công chức có hiệu lực pháp luật được thực hiện như thế nào?

Điều 58 Luật Khiếu nại năm 2011 quy định thi hành quyết định giải quyết khiếu nại đối với quyết định kỷ luật cán bộ, công chức có hiệu lực pháp luật như sau:

Khi quyết định giải quyết khiếu nại đối với quyết định kỷ luật cán bộ, công chức có hiệu lực pháp luật thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi cán bộ, công chức làm việc có trách nhiệm công bố công khai quyết định giải quyết đến toàn thể cán bộ, công chức của cơ quan, tổ chức, đơn vị; áp dụng các biện pháp theo thẩm quyền hoặc phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan thi hành quyết định giải quyết khiếu nại đó; bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

V. TIẾP CÔNG DÂN

46. Đề nghị cho biết quy định của pháp luật về trụ sở tiếp công dân, địa điểm tiếp công dân và trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, tổ chức trong việc tiếp công dân đến khiếu nại, tố cáo?

Trụ sở tiếp công dân, địa điểm tiếp công dân khi họ đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh đã được quy định cụ thể tại Điều 59 Luật Khiếu nại năm 2011. Theo đó, trụ sở tiếp công dân của Đảng và Nhà nước được tổ chức ở trung ương và địa phương để tiếp công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh theo quy định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

Địa điểm tiếp công dân là nơi tiếp công dân do cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền bố trí để tiếp công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh theo quy định của pháp luật.

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tổ chức tiếp công dân; bảo đảm các điều kiện cần thiết để tiếp công dân; bố trí cán bộ có đủ phẩm chất, năng lực, trình độ, kiến thức và am hiểu chính sách, pháp luật, có ý thức trách nhiệm làm công tác tiếp công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

47. Tôi là cán bộ nghỉ hưu tham gia tích cực các hoạt động đoàn thể tại nơi cư trú. Qua quá trình sinh hoạt, nắm bắt ý kiến nhân dân tại cơ sở, tôi đã nhiều lần đến trụ sở tiếp công dân của huyện để kiến nghị, phản ánh với các cơ quan nhà nước về những vấn đề mà người dân quan tâm. Vì vậy, tôi rất muốn biết quyền và nghĩa vụ của mình khi thực hiện việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại trụ sở tiếp công dân, địa điểm tiếp công dân để tôi thực hiện.

Điều 60 Luật Khiếu nại năm 2011 quy định quyền và nghĩa vụ của người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại trụ sở tiếp công dân, địa điểm tiếp công dân. Theo quy định trên, ông (bà) có các quyền và nghĩa vụ sau:

- Xuất trình giấy tờ tùy thân, tuân thủ quy chế tiếp công dân và thực hiện theo sự hướng dẫn của cán bộ tiếp công dân.

- Trình bày trung thực sự việc, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của mình và ký tên hoặc điểm chỉ vào biên bản xác nhận những nội dung đã trình bày.

- Được hướng dẫn, giải thích về việc thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo.

- Cử đại diện để trình bày với người tiếp công dân trong trường hợp có nhiều người cùng khiếu nại, tố cáo về một nội dung.

- Được khiếu nại, tố cáo về những hành vi sai trái, cản trở, gây phiền hà, sách nhiễu của người tiếp công dân.

Đề nghị cho biết thời gian tiếp công dân của người đứng đầu cơ quan, tổ chức trong việc tiếp công dân được quy định như thế nào?

Theo quy định tại Điều 61 Luật Khiếu nại năm 2011, Thủ trưởng cơ quan nhà nước, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp trực tiếp tiếp công dân định kỳ như sau:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã mỗi tuần ít nhất một ngày;

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện mỗi tháng ít nhất hai ngày;

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh mỗi tháng ít nhất một ngày;

- Thủ trưởng cơ quan nhà nước khác mỗi tháng ít nhất một ngày.

Việc tiếp công dân của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, Thủ trưởng cơ quan nhà nước phải gắn với việc giải quyết khiếu nại thuộc thẩm quyền và chỉ đạo giải quyết khiếu nại theo thẩm quyền của Thủ trưởng cơ quan nhà nước do mình quản lý. Ngoài việc tiếp công dân định kỳ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, người đứng đầu cơ quan, tổ chức phải tiếp công dân khi có yêu cầu cấp thiết.

Chánh thanh tra các cấp có trách nhiệm tổ chức tiếp công dân thường xuyên theo quy định của pháp luật.

Người đứng đầu tổ chức khác có trách nhiệm trực tiếp tiếp công dân ít nhất mỗi tháng một ngày.

49. Do không đồng tình với quyết định của Ủy ban nhân dân huyện về việc xử phạt cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng của gia đình, chị C đã nhiều lần lên trụ sở tiếp công dân của huyện để khiếu nại và đã được Ủy ban nhân dân huyện giải quyết và trả lời đầy đủ. Tuy nhiên, cho rằng việc giải quyết chưa thỏa đáng nên chị C tiếp tục khiếu nại. Cán bộ tiếp công dân của huyện đã từ chối tiếp chị C với lý do vụ việc của chị C đã có kết luận giải quyết của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và đã được trả lời đầy đủ. Xin hỏi trong trường hợp này, việc chị C bị cán bộ tiếp công dân từ chối tiếp có đúng hay không? Trách nhiệm của cán bộ tiếp công dân, người phụ trách trụ sở, địa điểm tiếp công dân được pháp luật quy định như thế nào?

Trách nhiệm của cán bộ tiếp công dân, người phụ trách trụ sở, địa điểm tiếp công dân được quy định tại Điều 62 Luật Khiếu nại năm 2011, cụ thể là: Tiếp nhận khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân; phân loại và chuyển đến người có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật; hướng dẫn, giải thích cho công dân về chính sách, pháp luật có liên quan đến nội dung yêu cầu của công dân.

Cán bộ tiếp công dân có quyền từ chối tiếp trong các trường hợp sau đây:

- Người đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về vụ việc đã được kiểm tra xem xét và đã có quyết định hoặc kết luận giải quyết của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và đã được trả lời đầy đủ;

- Người vi phạm quy chế tiếp công dân.

Ngoài ra, người phụ trách trụ sở, địa điểm tiếp công dân trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của người có thẩm quyền; xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý hành vi vi phạm pháp luật về khiếu nại, tố cáo của người có trách nhiệm trong giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Đối chiếu với quy định pháp luật nêu trên, việc cán bộ tiếp công dân từ chối tiếp chị C khi chị đến trụ sở tiếp công dân khiếu nại là đúng quy định của pháp luật.

cơ quan, tổ chức mình.

VI. TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CÓ THẨM QUYỀN TRONG VIỆC QUẢN LÝ CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

50. Đề nghị cho biết cơ quan nào có trách nhiệm quản lý nhà nước về công tác giải quyết khiếu nại?

Theo quy định tại Điều 63 Luật Khiếu nại năm 2011, Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các cấp là cơ quan quản lý nhà nước về công tác giải quyết khiếu nại, cụ thể như sau:

- Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về công tác giải quyết khiếu nại của các cơ quan hành chính nhà nước trong phạm vi cả nước.

Thanh tra Chính phủ chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về công tác giải quyết khiếu nại trong phạm vi cả nước.

- Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện quản lý nhà nước về công tác giải quyết khiếu nại trong phạm vi quản lý của mình.

- Thanh tra bộ, cơ quan ngang bộ, thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thanh tra sở, thanh tra huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh giúp thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp quản lý công tác giải quyết khiếu nại.

Ngoài ra, theo quy định Điều 64 Luật Khiếu nại năm 2011 thì:

- Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, các cơ quan khác của Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình quản lý công tác giải quyết khiếu nại, định kỳ thông báo với Chính phủ về công tác giải quyết khiếu nại của cơ quan, tổ chức mình.

- Tòa án nhân dân địa phương, Viện kiểm sát nhân dân địa phương, các cơ quan của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình quản lý công tác giải quyết khiếu nại, định kỳ thông báo với Ủy ban nhân dân cùng cấp về công tác giải quyết khiếu nại của

51. Hoạt động phối hợp trong công tác giải quyết khiếu nại được pháp luật quy định cụ thể như thế nào?

Theo quy định tại Điều 65 Luật Khiếu nại năm 2011, hoạt động phối hợp trong giải quyết khiếu nại được thực hiện như sau:

Thứ nhất, trường hợp cần thiết, Thủ tướng Chính phủ làm việc với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán Nhà nước, người đứng đầu các cơ quan khác của Nhà nước; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh làm việc với Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp để phối hợp trong công tác giải quyết khiếu nại.

Thứ hai, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao định kỳ báo cáo Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước và thông báo đến Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về công tác giải quyết khiếu nại.

Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Chính phủ về công tác giải quyết khiếu nại của cơ quan, địa phương mình theo định kỳ hoặc theo yêu cầu của Chính phủ.

Thứ ba, Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân địa phương định kỳ báo cáo Hội đồng nhân dân và thông báo đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp về tình hình khiếu nại, khởi kiện vụ án hành chính và công tác giải quyết khiếu nại, xét xử vụ án hành chính trong phạm vi địa phương mình.

52. Trong công tác giải quyết khiếu nại, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận có trách nhiệm gì theo quy định của pháp luật?

Theo quy định tại Điều 66 Luật Khiếu nại năm 2011, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận có trách nhiệm giám sát việc thi hành pháp luật về khiếu nại theo quy định của Luật Khiếu nại năm 2011; động viên nhân dân nghiêm chỉnh chấp

hành pháp luật về khiếu nại; tổ chức việc tiếp công dân đến khiếu nại; khi nhận được khiếu nại thì nghiên cứu, hướng dẫn người khiếu nại đến cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết khiếu nại.

Khiếu nại do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận chuyển đến phải được người giải quyết khiếu nại xem xét, giải quyết và trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày có quyết định giải quyết phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức đã chuyển đơn biết kết quả giải quyết; nếu không đồng ý với kết quả giải quyết đó thì tổ chức đã chuyển đơn có quyền kiến nghị cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp xem xét, giải quyết; cơ quan, tổ chức nhận được kiến nghị có trách nhiệm trả lời kiến nghị đó trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày có quyết định giải quyết.

PHẦN THỨ HAI: LUẬT TỔ CÁO

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

53. Phát hiện thấy anh B - cảnh sát giao thông nhận tiền của người vi phạm rồi cho đi mà không lập biên bản xử lý, ông K đã lên Công an quận tố giác hành vi của anh B. Xin hỏi việc tố giác của ông K có được coi là tố cáo hay không? Các hành vi nào được coi là hành vi vi phạm pháp luật bị tố cáo theo quy định của pháp luật?

Điều 2 Luật Tố cáo số 03/2011/QH13 ngày 11 tháng 11 năm 2011 (sau đây gọi là Luật Tố cáo năm 2011) quy định: Tố cáo là việc công dân theo thủ tục do Luật Tố cáo quy định báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền biết về hành vi vi phạm pháp luật của bất cứ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức.

Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ là việc công dân báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền biết về hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ.

Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về quản lý nhà nước trong các lĩnh vực là việc công dân báo cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền biết về hành vi vi phạm pháp luật của bất cứ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào đối với việc chấp hành quy định pháp luật về quản lý nhà nước trong các lĩnh vực.

Như vậy, việc tố giác hành vi vi phạm pháp luật của ông K với cơ quan có thẩm quyền trực tiếp quản lý cảnh sát giao thông B trong trường hợp trên được coi là hành vi tố cáo theo quy định của pháp luật.

54. Công ty X là doanh nghiệp nhà nước trực thuộc sự quản lý của Bộ Y. Trong quá trình điều hành hoạt động kinh doanh, Ban giám đốc công ty đã mắc nhiều sai phạm trong việc quyết định thu chi, đầu tư kinh doanh khiến cho doanh nghiệp thua lỗ. Trước tình hình đó, một số cán bộ của công ty

đã mạnh dạn viết đơn, trực tiếp gặp Lãnh đạo Bộ Y để tố cáo hành vi tiêu cực của Giám đốc công ty X. Xin hỏi trong trường hợp này, pháp luật quy định cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong việc tiếp nhận, giải quyết tố cáo, cụ thể là Lãnh đạo Bộ Y có trách nhiệm như thế nào để đảm bảo quyền lợi cho người tố cáo?

Theo quy định tại Điều 5 Luật Tố cáo năm 2011, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tiếp người tố cáo, tiếp nhận và giải quyết tố cáo theo đúng quy định của pháp luật; xử lý nghiêm minh người vi phạm; áp dụng biện pháp cần thiết nhằm ngăn chặn thiệt hại có thể xảy ra, bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm, uy tín, việc làm, bí mật cho người tố cáo; bảo đảm quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo được thi hành nghiêm chỉnh và chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định xử lý của mình.

Như vậy, trong trường hợp này, Lãnh đạo Bộ Y với tư cách là cơ quan quản lý doanh nghiệp X phải có trách nhiệm kịp thời bảo đảm các quyền lợi như việc làm, tài sản, danh dự... cho cán bộ, nhân viên tham gia tố cáo về việc làm của Giám đốc công ty, bảo đảm người bị tố cáo không bị trù dập, xử lý nghiêm minh người vi phạm (nếu có).

Bên cạnh đó, pháp luật còn quy định cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết tố cáo có trách nhiệm bố trí trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân để tiếp nhận tố cáo, khiếu nại, kiến nghị, phản ánh. Việc tổ chức tiếp công dân tại trụ sở tiếp công dân, địa điểm tiếp công dân thực hiện theo quy định của Luật Khiếu nại và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Ngoài ra, cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm trong việc tiếp nhận, giải quyết tố cáo mà không tiếp nhận, không giải quyết theo đúng quy định của Luật Tố cáo, thiếu trách nhiệm trong việc tiếp nhận, giải quyết tố cáo hoặc cố ý giải quyết tố cáo trái pháp luật phải bị xử lý nghiêm minh, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường, bồi hoàn theo quy định của pháp luật.

55. Trách nhiệm phối hợp của các cơ quan, tổ chức trong việc giải quyết

tố cáo được pháp luật quy định như thế nào?

Theo Điều 6 Luật Tố cáo năm 2011, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan, tổ chức hữu quan có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong việc giải quyết tố cáo. Cơ quan, tổ chức, cá nhân đang quản lý, lưu giữ thông tin, tài liệu có liên quan đến việc tố cáo có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu theo yêu cầu của người có thẩm quyền giải quyết tố cáo trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu; trường hợp không cung cấp, cung cấp không đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu theo yêu cầu thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý theo quy định của pháp luật.

56. Báo N thuộc tỉnh H trong một lần xác minh theo thư bạn đọc đã đăng bài phản ánh vụ việc tố cáo và giải quyết tố cáo tại Tòa án nhân dân huyện K của tỉnh. Tuy nhiên, sau đó Tòa án nhân dân huyện K đã có văn bản gửi Tổng biên tập báo N đề nghị thực hiện việc cải chính thông tin do đưa tin sai sự thật về việc tố cáo và giải quyết tố cáo tại cơ quan mình. Xin hỏi, trong trường hợp này, việc đưa tin của báo N có bị pháp luật về tố cáo nghiêm cấm hay không? Các hành vi nào là hành vi bị nghiêm cấm theo quy định của Luật Tố cáo?

Theo quy định tại Điều 8 Luật Tố cáo năm 2011, các hành vi bị nghiêm cấm bao gồm:

1. Gây khó khăn, phiền hà đối với việc thực hiện quyền tố cáo của công dân.
2. Thiếu trách nhiệm trong việc giải quyết tố cáo.
3. Tiết lộ họ, tên, địa chỉ, bút tích của người tố cáo và những thông tin khác có thể làm lộ danh tính của người tố cáo.
4. Làm sai lệch hồ sơ vụ việc trong quá trình giải quyết tố cáo.
5. Không giải quyết hoặc cố ý giải quyết tố cáo trái pháp luật; lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong việc giải quyết tố cáo để thực hiện hành vi trái pháp luật, sách nhiễu, gây phiền hà cho người bị tố cáo.
6. Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ

trách nhiệm bảo vệ người tố cáo.

7. Cản trở, can thiệp trái pháp luật vào việc giải quyết tố cáo.

8. Cản trở việc thực hiện quyền tố cáo; đe dọa, trả thù, trù dập, xúc phạm người tố cáo.

9. Bao che người bị tố cáo.

10. Cố ý tố cáo sai sự thật; kích động, cưỡng ép, dụ dỗ, mua chuộc người khác tố cáo sai sự thật; mạo danh người khác để tố cáo.

11. Mua chuộc, hối lộ người giải quyết tố cáo; đe dọa, trả thù, xúc phạm người giải quyết tố cáo.

12. Lợi dụng việc tố cáo để tuyên truyền chống Nhà nước, xâm phạm lợi ích của Nhà nước; xuyên tạc, vu khống, gây rối an ninh, trật tự công cộng, xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của người khác.

13. Đưa tin sai sự thật về việc tố cáo và giải quyết tố cáo.

14. Vi phạm các quy định khác của pháp luật về tố cáo và giải quyết tố cáo.

Như vậy, theo quy định tại khoản 13 Điều này, hành vi đưa tin sai sự thật về việc tố cáo và giải quyết tố cáo của Báo N đối với Tòa án nhân dân huyện K là một trong những hành vi bị nghiêm cấm. Vi phạm hành vi bị nghiêm cấm, báo N không chỉ phải đăng cải chính thông tin mà còn bị áp dụng các biện pháp xử phạt hành chính do đưa thông tin sai sự thật theo quy định của pháp luật về báo chí.

II. QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI TỐ CÁO, NGƯỜI BỊ TỐ CÁO VÀ NGƯỜI GIẢI QUYẾT TỐ CÁO

57. Anh P trưởng phòng và chị L cùng công tác tại Phòng Tài nguyên và Môi trường của huyện B. Trong quá trình công tác, chị L được biết anh P đã nhiều lần móc nối với các đối tượng tiêu cực để tìm cách vòi tiền những người xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất của huyện. Biết nhiều người bị mất tiền oan nên chị L có ý định tố cáo hành vi của anh P. Tuy nhiên, chị L còn băn khoăn vì e ngại anh P biết việc tố cáo của mình. Xin hỏi trong trường hợp này chị L có quyền được giữ bí mật họ tên và các thông tin cá nhân của mình hay không? Khi tố cáo, người tố cáo có quyền và nghĩa vụ gì?

Trong trường hợp này, chị L hoàn toàn có thể yên tâm thực hiện việc tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của đồng nghiệp là anh P với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết tố cáo vì theo quy định của Luật tố cáo thì người tố cáo có quyền được giữ bí mật các thông tin liên quan đến cá nhân mình.

Theo quy định tại Điều 9 Luật Tố cáo năm 2011, người tố cáo có quyền:

- Gửi đơn hoặc trực tiếp tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;
- Được giữ bí mật họ, tên, địa chỉ, bút tích và các thông tin cá nhân khác của mình;
- Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền thông báo về việc thụ lý giải quyết tố cáo, thông báo chuyển vụ việc tố cáo sang cơ quan có thẩm quyền giải quyết, thông báo kết quả giải quyết tố cáo;
- Tố cáo tiếp khi có căn cứ cho rằng việc giải quyết tố cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền không đúng pháp luật hoặc quá thời hạn quy định mà tố cáo không được giải quyết;
- Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền bảo vệ khi bị đe dọa, trả thù, trù dập;
- Được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Bên cạnh đó, người tố cáo có nghĩa vụ:

- Nêu rõ họ, tên, địa chỉ của mình;
- Trình bày trung thực về nội dung tố cáo; cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung tố cáo mà mình có được;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung tố cáo của mình;
- Bồi thường thiệt hại do hành vi cố ý tố cáo sai sự thật của mình gây ra.

58. Anh T là Thủ trưởng một cơ quan chức năng của huyện M. Vừa qua, anh đã bị một số cá nhân gửi đơn tố cáo về việc vi phạm tư cách đạo đức của anh lên Ủy ban nhân dân huyện. Qua xác minh của cơ quan có thẩm quyền cho thấy việc tố cáo đối với anh là sai sự thật nên anh đã yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện xử lý người cố ý tố cáo sai sự thật đối với anh. Xin hỏi yêu cầu này của anh T có hợp pháp hay không? Người bị tố cáo như anh T có quyền và nghĩa vụ gì?

Việc yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý người cố ý tố cáo sai sự thật của anh T là phù hợp với quy định tại điểm d khoản 1 Điều 10 Luật Tố cáo năm 2011 là: “Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý người cố ý tố cáo sai sự thật, người cố ý giải quyết tố cáo trái pháp luật”.

Ngoài ra, theo quy định tại Điều luật này, người bị tố cáo như anh T còn có các quyền như sau:

- Được thông báo về nội dung tố cáo;
- Đưa ra chứng cứ để chứng minh nội dung tố cáo là không đúng sự thật;
- Nhận thông báo kết luận nội dung tố cáo;
- Được khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp bị xâm phạm, được xin lỗi, cải chính công khai, được bồi thường thiệt hại do việc tố cáo, giải quyết tố cáo không đúng gây ra.

Bên cạnh đó, người bị tố cáo cũng có các nghĩa vụ cụ thể là:

- Giải trình bằng văn bản về hành vi bị tố cáo; cung cấp

thông tin, tài liệu liên quan khi cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền yêu cầu;

- Chấp hành nghiêm chỉnh quyết định xử lý của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền;
- Bồi thường, bồi hoàn thiệt hại do hành vi trái pháp luật của mình gây ra.

Theo **59.** quy định của Luật Tố cáo, người giải quyết tố cáo có quyền và nghĩa vụ gì?

Quyền và nghĩa vụ của người giải quyết tố cáo được quy định tại Điều 11 Luật Tố cáo năm 2011. *Theo đó, người giải quyết tố cáo có các quyền sau đây:*

- Yêu cầu người tố cáo cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung tố cáo;
- Yêu cầu người bị tố cáo giải trình bằng văn bản về hành vi bị tố cáo;
- Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung tố cáo;
- Tiến hành các biện pháp kiểm tra, xác minh, thu thập chứng cứ để giải quyết tố cáo theo quy định của pháp luật; áp dụng các biện pháp theo thẩm quyền để ngăn chặn, chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật;
- Kết luận về nội dung tố cáo;
- Quyết định xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Bên cạnh đó, người giải quyết tố cáo có các nghĩa vụ:

- Bảo đảm khách quan, trung thực, đúng pháp luật trong việc giải quyết tố cáo;
- Áp dụng các biện pháp cần thiết theo thẩm quyền hoặc yêu cầu cơ quan chức năng áp dụng các biện pháp để bảo vệ người tố cáo, người thân thích của người tố cáo, người cung cấp thông tin có liên quan đến việc tố cáo;
- Không tiết lộ thông tin gây bất lợi cho người bị tố cáo khi chưa có kết luận về nội dung tố cáo;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc giải quyết tố cáo;
- Bồi thường, bồi hoàn thiệt hại do hành vi giải quyết tố

cáo trái pháp luật của mình gây ra.

III. GIẢI QUYẾT TỐ CÁO ĐỐI VỚI HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC TRONG VIỆC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, CÔNG VỤ

60. Phát hiện Long - cán bộ Trung tâm khuyến nông huyện vi phạm pháp luật, Nam muốn tố cáo Long nhưng không biết cơ quan nào có trách nhiệm giải quyết tố cáo. Vì vậy, Nam muốn biết trong trường hợp này, nếu Nam tố cáo Long thì cơ quan nào có thẩm quyền giải quyết?

Điều 12 Luật Tố cáo năm 2011 quy định nguyên tắc xác định thẩm quyền như sau:

- Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức, viên chức do người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý cán bộ, công chức, viên chức đó giải quyết.

Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức do người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp của cơ quan, tổ chức đó giải quyết.

- Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của nhiều cơ quan, tổ chức do người đứng đầu cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý cán bộ, công chức, viên chức bị tố cáo phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan giải quyết.

- Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức, viên chức có dấu hiệu tội phạm do cơ quan tiến hành tố tụng giải quyết theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự.

Như vậy, trong trường hợp nêu trên, nếu Nam tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của Long thì trách nhiệm giải quyết tố cáo đối với Long thuộc Giám đốc Trung tâm khuyến nông huyện.

61. Bà Hoàng tố cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã vì cho rằng ông này ra quyết định hành chính không đúng, gây ảnh hưởng đến quyền lợi của con trai bà, hiện đang là Công an viên xã. Bà muốn biết trong vụ việc này, cơ quan nào có trách nhiệm giải quyết?

Theo khoản 2 Điều 13 Luật Tố cáo năm 2011 quy định về thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ, công chức trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ trong cơ quan hành chính nhà nước, cụ thể: Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện) có thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và cán bộ, công chức do mình bổ nhiệm, quản lý trực tiếp.

Trường hợp cụ thể này, vì người bị bà Hoàng tố cáo là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã nên thẩm quyền giải quyết tố cáo thuộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện sở tại.

62. Thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức trong cơ quan khác của Nhà nước được pháp luật quy định như thế nào?

Điều 14 Luật Tố cáo năm 2011 quy định thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức trong cơ quan khác của Nhà nước, cụ thể như sau:

- Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân các cấp có thẩm quyền:

+ Giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của công chức do mình quản lý trực tiếp;

+ Giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của Chánh án, Phó Chánh án Tòa án, Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát cấp dưới.

- Tổng Kiểm toán Nhà nước có thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của Kiểm toán trưởng, Phó Kiểm toán trưởng Kiểm toán Nhà nước chuyên ngành, Kiểm toán Nhà nước khu vực và công chức do mình bổ nhiệm, quản lý trực tiếp.

Kiểm toán trưởng Kiểm toán Nhà nước chuyên ngành, Kiểm toán Nhà nước khu vực có thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của công chức do mình bổ nhiệm, quản lý trực tiếp.

- Người đứng đầu cơ quan khác của Nhà nước có thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của công chức do mình bổ nhiệm, quản lý trực tiếp.

- Cơ quan có thẩm quyền quản lý đối với cán bộ là đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp có thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của cán bộ do mình quản lý.

63. Đề nghị cho biết thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ của viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập được quy định như thế nào?

Điều 15 Luật Tố cáo năm 2011 quy định thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ của viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập như sau:

- Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập có thẩm quyền giải quyết tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ của viên chức do mình tuyển dụng, bổ nhiệm, quản lý trực tiếp.

- Người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập có thẩm quyền giải quyết tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ của viên chức quản lý do mình bổ nhiệm.

64. Xin hỏi thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật

trong việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội được quy định như thế nào?

Điều 16 Luật Tố cáo năm 2011 quy định thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội. Theo đó, người đứng đầu cơ quan của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội có thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức do mình quản lý trực tiếp.

65. Xin hỏi thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của người được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ mà không phải là cán bộ, công chức, viên chức được pháp luật quy định như thế nào?

Điều 17 Luật Tố cáo năm 2011 quy định thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của người được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ mà không phải là cán bộ, công chức, viên chức như sau:

Người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp người được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ mà không phải là cán bộ, công chức, viên chức có thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của người đó trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ.

66. Ông Mạnh tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ địa chính Ủy ban nhân dân xã, ông đã nộp đơn lên Ủy ban nhân dân nhưng ông muốn biết việc giải quyết tố cáo được thực hiện theo những trình tự nào?

Theo quy định tại Điều 18 Luật Tố cáo năm 2011 thì việc giải quyết tố cáo được thực hiện theo trình tự sau đây:

- Tiếp nhận, xử lý thông tin tố cáo;
- Xác minh nội dung tố cáo;

- Kết luận nội dung tố cáo;
- Xử lý tố cáo của người giải quyết tố cáo;
- Công khai kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo.

67. Anh Hùng tố cáo với Hiệu trưởng Trường Trung học phổ thông Hồng Hoa về hành vi làm sai lệch hồ sơ của một số cán bộ trường. Nhưng trong đơn tố cáo anh Hùng không ghi rõ ngày, tháng, năm tố cáo. Vậy xin hỏi đơn tố cáo của anh Hùng được xử lý như thế nào?

Việc tố cáo được thực hiện bằng hai hình thức: Tố cáo bằng đơn hoặc tố cáo trực tiếp. Điều 19 Luật Tố cáo năm 2011 quy định trong đơn tố cáo phải ghi rõ ngày, tháng, năm tố cáo; họ, tên, địa chỉ của người tố cáo; nội dung tố cáo. Đơn tố cáo phải do người tố cáo ký tên hoặc điểm chỉ. Trường hợp nhiều người cùng tố cáo bằng đơn thì trong đơn phải ghi rõ họ, tên, địa chỉ của từng người tố cáo, có chữ ký hoặc điểm chỉ của những người tố cáo; họ, tên người đại diện cho những người tố cáo để phối hợp khi có yêu cầu của người giải quyết tố cáo.

Như vậy, đơn tố cáo của anh Hùng không ghi rõ ngày, tháng, năm tố cáo nên người tiếp nhận đơn tố cáo của anh Hùng phải có trách nhiệm hướng dẫn anh Hùng viết lại đơn tố cáo cho đúng với hình thức tố cáo.

68. Tôi nộp đơn tố cáo cán bộ thuế nhận hối lộ. Sau một tháng nộp đơn tôi đến hỏi thì được cán bộ tiếp dân trả lời rằng sự việc đã được Lãnh đạo chi cục thuế thụ lý giải quyết nhưng vụ việc đang trong quá trình điều tra, xác minh. Vậy xin hỏi, pháp luật quy định như thế nào về thời hạn tiếp nhận, xử lý thông tin tố cáo?

Điều 20 Luật Tố cáo năm 2011 quy định về việc tiếp nhận, xử lý thông tin tố cáo cụ thể như sau:

- Khi nhận được tố cáo thì người giải quyết tố cáo có trách nhiệm phân loại và xử lý như sau:

+ Nếu tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của mình thì trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn tố cáo, phải kiểm tra, xác minh họ, tên, địa

chỉ của người tố cáo và quyết định việc thụ lý hoặc không thụ lý giải quyết tố cáo, đồng thời thông báo cho người tố cáo biết lý do việc không thụ lý, nếu có yêu cầu; trường hợp phải kiểm tra, xác minh tại nhiều địa điểm thì thời hạn kiểm tra, xác minh có thể dài hơn nhưng không quá 15 ngày;

+ Nếu tố cáo không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn tố cáo, người tiếp nhận phải chuyển đơn tố cáo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết và thông báo cho người tố cáo, nếu có yêu cầu. Trường hợp người tố cáo đến tố cáo trực tiếp thì người tiếp nhận tố cáo hướng dẫn người tố cáo đến tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết.

- Đối với các trường hợp: Tố cáo về vụ việc đã được người đó giải quyết mà người tố cáo không cung cấp thông tin, tình tiết mới; tố cáo về vụ việc mà nội dung và những thông tin người tố cáo cung cấp không có cơ sở để xác định người vi phạm, hành vi vi phạm pháp luật; tố cáo về vụ việc mà người có thẩm quyền giải quyết tố cáo không đủ điều kiện để kiểm tra, xác minh hành vi vi phạm pháp luật, người vi phạm thì người có thẩm quyền không thụ lý giải quyết tố cáo.

- Trong quá trình tiếp nhận, xử lý thông tin tố cáo, nếu xét thấy hành vi bị tố cáo có dấu hiệu tội phạm thì cơ quan, tổ chức nhận được tố cáo có trách nhiệm chuyển hồ sơ, tài liệu và những thông tin về vụ việc tố cáo đó cho cơ quan điều tra hoặc Viện kiểm sát có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp hành vi bị tố cáo gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, của tập thể, tính mạng, tài sản của công dân thì cơ quan, tổ chức nhận được tố cáo phải áp dụng biện pháp cần thiết theo thẩm quyền hoặc báo ngay cho cơ quan công an, cơ quan khác có trách nhiệm ngăn chặn kịp thời hành vi vi phạm.

69. Đề nghị cho biết thời hạn giải quyết tố cáo là bao lâu?

Theo quy định tại Điều 21 Luật Tố cáo năm 2011 thì thời hạn giải quyết tố cáo là 60 ngày, kể từ ngày thụ

lý giải quyết tố cáo; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết là 90 ngày, kể từ ngày thụ lý giải quyết tố cáo.

Trong trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo có thể gia hạn giải quyết một lần nhưng không quá 30 ngày; đối với vụ việc phức tạp thì không quá 60 ngày.

70. Pháp luật quy định như thế nào về việc xác minh nội dung tố cáo?

Điều 22 Luật Tố cáo năm 2011 quy định về việc xác minh nội dung tố cáo, cụ thể như sau:

- Người giải quyết tố cáo tiến hành xác minh hoặc giao cho cơ quan thanh tra nhà nước cùng cấp hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm xác minh nội dung tố cáo (sau đây gọi chung là người xác minh nội dung tố cáo).

- Người giải quyết tố cáo giao cho người xác minh nội dung tố cáo bằng văn bản, trong đó có các nội dung sau đây:

+ Ngày, tháng, năm giao xác minh;

+ Tên, địa chỉ của người bị tố cáo;

+ Người được giao xác minh nội dung tố cáo;

+ Nội dung cần xác minh;

+ Thời gian tiến hành xác minh;

+ Quyền hạn và trách nhiệm của người được giao xác minh nội dung tố cáo.

- Người xác minh nội dung tố cáo phải tiến hành các biện pháp cần thiết để thu thập thông tin, tài liệu, làm rõ nội dung tố cáo. Thông tin, tài liệu thu thập phải được ghi chép thành văn bản, khi cần thiết thì lập thành biên bản, được lưu giữ trong hồ sơ vụ việc tố cáo.

- Trong quá trình xác minh, người xác minh nội dung tố cáo phải tạo điều kiện để người bị tố cáo giải trình, đưa ra các chứng cứ để chứng minh tính đúng, sai của nội dung tố cáo cần xác minh. Việc giải trình của người bị tố cáo phải được lập thành biên bản, có chữ ký của người xác minh nội dung tố cáo và người bị tố cáo.

- Người được giao xác minh nội dung tố cáo có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điểm a, b, c, d

khoản 1, điểm a, b, c, d, đ khoản 2 Điều 11 của Luật Tố cáo năm 2011, đồng thời kết luận nội dung xác minh, kiến nghị biện pháp xử lý và báo cáo người giải quyết tố cáo.

71. Xin hỏi kết luận nội dung tố cáo gồm những nội dung gì?

Theo khoản 2 Điều 24 Luật Tố cáo năm 2011 thì kết luận nội dung tố cáo phải có các nội dung sau đây:

- Kết quả xác minh nội dung tố cáo;
- Kết luận việc tố cáo đúng, đúng một phần hoặc sai; xác định trách nhiệm của từng cá nhân về những nội dung tố cáo đúng hoặc đúng một phần;
- Các biện pháp xử lý theo thẩm quyền; kiến nghị biện pháp xử lý với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền (nếu có).

72. Người giải quyết tố cáo tiến hành xử lý như thế nào sau khi có kết luận nội dung tố cáo?

Theo Điều 25 Luật Tố cáo năm 2011, sau khi có kết luận nội dung tố cáo, người giải quyết tố cáo tiến hành xử lý như sau:

- Trường hợp kết luận người bị tố cáo không vi phạm quy định trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ thì phải thông báo bằng văn bản cho người bị tố cáo, cơ quan quản lý người bị tố cáo biết, khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp của người bị tố cáo bị xâm phạm do việc tố cáo không đúng sự thật gây ra, đồng thời xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý người cố ý tố cáo sai sự thật;
- Trường hợp kết luận người bị tố cáo vi phạm quy định trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ thì áp dụng các biện pháp xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật;
- Trường hợp hành vi vi phạm của người bị tố cáo có dấu hiệu tội phạm thì chuyển ngay hồ sơ vụ việc cho cơ quan điều tra hoặc Viện kiểm sát có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.

73. Ông Tâm nộp đơn tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của ông Chiến - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N. Tuy nhiên, trong quá trình gửi kết luận nội dung tố cáo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N đã để lộ thông tin về người tố cáo. Vậy hành vi để tiết lộ thông tin của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N có vi phạm quy định của Luật Tố cáo không?

Là người giải quyết đơn tố cáo của ông Tâm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện phải có trách nhiệm gửi kết luận nội dung tố cáo cho người bị tố cáo là ông Chiến. Khoản 1 Điều 26 Luật Tố cáo năm 2011 quy định về việc gửi kết luận nội dung tố cáo, theo đó, việc gửi văn bản kết luận nội dung tố cáo bảo đảm không tiết lộ thông tin về người tố cáo và bảo vệ bí mật nhà nước. Như vậy, hành vi tiết lộ thông tin của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện là vi phạm quy định của pháp luật tố cáo.

74. Trường hợp quá thời hạn quy định mà tố cáo không được giải quyết thì người tố cáo có thể làm gì tiếp theo?

Khoản 1 Điều 27 Luật Tố cáo năm 2011 quy định: Trong trường hợp quá thời hạn quy định mà tố cáo không được giải quyết hoặc có căn cứ cho rằng việc giải quyết tố cáo là không đúng pháp luật thì người tố cáo có quyền tố cáo tiếp với người đứng đầu cơ quan cấp trên trực tiếp của người có trách nhiệm giải quyết tố cáo.

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được tố cáo tiếp, người đứng đầu cơ quan cấp trên trực tiếp xem xét, xử lý như sau: Yêu cầu người có trách nhiệm giải quyết tố cáo phải giải quyết, trình bày rõ lý do về việc chậm giải quyết tố cáo; có biện pháp xử lý đối với hành vi vi phạm của người có trách nhiệm giải quyết tố cáo.

75. Xin cho biết, hồ sơ vụ việc tố cáo bao gồm những tài liệu gì?

Việc giải quyết tố cáo phải được lập thành hồ sơ. Hồ sơ vụ việc tố cáo được quy định tại Điều 29 Luật Tố cáo năm 2011, bao gồm:

- Đơn tố cáo hoặc bản ghi nội dung tố cáo;

- Quyết định thụ lý giải quyết tố cáo;
- Biên bản xác minh, kết quả giám định, thông tin, tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình giải quyết;
- Văn bản giải trình của người bị tố cáo;
- Báo cáo kết quả xác minh nội dung tố cáo trong trường hợp người giải quyết tố cáo giao cho người khác tiến hành xác minh;
- Kết luận nội dung tố cáo;
- Quyết định xử lý, văn bản kiến nghị biện pháp xử lý (nếu có);
- Các tài liệu khác có liên quan.

Hồ sơ vụ việc tố cáo phải được đánh số trang theo thứ tự tài liệu. Việc lưu giữ, khai thác, sử dụng hồ sơ vụ việc tố cáo được thực hiện theo quy định của pháp luật, bảo đảm không tiết lộ thông tin về người tố cáo.

76. Việc công khai kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo được thực hiện dưới những hình thức nào và phải bảo đảm những quy định gì?

Người giải quyết tố cáo có trách nhiệm công khai kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm tố cáo bằng một trong các hình thức quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Tố cáo năm 2011, cụ thể như sau:

- Công bố tại cuộc họp cơ quan, tổ chức nơi người bị tố cáo công tác;
- Niêm yết tại trụ sở làm việc hoặc nơi tiếp công dân của cơ quan, tổ chức đã giải quyết tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo;
- Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

Việc công khai kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo bảo đảm không tiết lộ thông tin về người tố cáo và những nội dung thuộc bí mật nhà nước.

IV. GIẢI QUYẾT TỐ CÁO ĐỐI VỚI HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG CÁC LĨNH VỰC

77. Đề nghị cho biết thẩm quyền giải quyết tố cáo được quy định như thế nào?

Điều 31 Luật Tố cáo năm 2011 quy định về thẩm quyền giải quyết tố cáo như sau:

- Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân mà nội dung liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của cơ quan nào thì cơ quan đó có trách nhiệm giải quyết. Người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính trong cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền giải quyết tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý được giao, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Tố cáo có nội dung liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của nhiều cơ quan thì các cơ quan có trách nhiệm phối hợp để xác định thẩm quyền giải quyết hoặc báo cáo cơ quan quản lý nhà nước cấp trên quyết định giao cho một cơ quan chủ trì giải quyết; tố cáo có nội dung thuộc thẩm quyền giải quyết của nhiều cơ quan thì cơ quan thụ lý đầu tiên có thẩm quyền giải quyết.

- Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật có dấu hiệu tội phạm do cơ quan tiến hành tố tụng giải quyết theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự.

78. Xin cho biết pháp luật quy định như thế nào về trình tự, thủ tục giải quyết tố cáo có nội dung rõ ràng, chứng cứ cụ thể, có cơ sở để xử lý ngay đối với tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về quản lý nhà nước trong các lĩnh vực?

Trình tự, thủ tục giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về quản lý nhà nước trong các lĩnh vực có nội dung rõ ràng, chứng cứ cụ thể, có cơ sở để xử lý ngay được quy định tại Điều 33 Luật Tố cáo năm 2011 gồm các bước sau:

- Người có thẩm quyền tiếp nhận, xử lý thông tin tố cáo;
- Trường hợp tố cáo hành vi vi phạm pháp luật thuộc lĩnh vực mà mình quản lý, người tiếp nhận tố cáo

phải trực tiếp tiến hành hoặc báo cáo người có thẩm quyền giải quyết tố cáo tiến hành ngay việc xác minh nội dung tố cáo, áp dụng biện pháp cần thiết để đình chỉ hành vi vi phạm và kịp thời lập biên bản về hành vi vi phạm pháp luật (nếu có); việc xác minh, kiểm tra thông tin về người tố cáo được thực hiện trong trường hợp người giải quyết tố cáo thấy cần thiết cho quá trình xử lý hành vi bị tố cáo;

- Người giải quyết tố cáo ra quyết định xử lý hành vi vi phạm theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Hồ sơ vụ việc tố cáo được lập chung cùng hồ sơ xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

V. BẢO VỆ NGƯỜI TỐ CÁO

79. Pháp luật có quy định gì để bảo vệ người tố cáo trong trường hợp họ muốn thực hiện quyền tố cáo của mình?

Theo quy định tại Điều 34 Luật Tố cáo năm 2011 về phạm vi, đối tượng và thời hạn bảo vệ thì người tố cáo được bảo vệ tại nơi cư trú, công tác, làm việc, học tập, nơi có tài sản của người cần được bảo vệ hoặc những nơi khác do cơ quan có thẩm quyền quyết định.

Cũng theo Điều luật này thì đối tượng bảo vệ gồm có:

- Người tố cáo;
- Người thân thích của người tố cáo.

Thời hạn bảo vệ do cơ quan có thẩm quyền quyết định tùy thuộc vào tình hình thực tế của từng vụ việc, mức độ, tính chất của hành vi xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của đối tượng cần được bảo vệ.

80. Trong một lần coi thi, thầy X đã thu thập được bằng chứng chứng minh một số giáo viên trong trường nhận tiền đút lót để làm nơ cho học sinh tại phòng thi. Thầy X muốn đứng ra tố cáo hành vi tiêu cực của các giáo viên này nhằm loại bỏ những hành vi tương tự về sau. Vậy khi đó, pháp luật sẽ bảo vệ thầy X như thế nào và thầy X cần làm gì để thực hiện quyền được bảo vệ của mình?

Quyền và nghĩa vụ của thầy X được bảo vệ theo quy định tại Điều 35 Luật Tố cáo năm 2011. Theo đó, thầy X có các quyền sau đây:

- Yêu cầu người giải quyết tố cáo, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền áp dụng biện pháp bảo vệ mình hoặc người thân thích của mình khi có căn cứ xác định việc bị kỷ luật, buộc thôi việc, luân chuyển công tác hoặc bị các hình thức trừ dật, phân biệt đối xử khác, bị đe dọa xâm hại hoặc xâm hại tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác do việc tố cáo hành

vi phạm pháp luật;

- Được thông báo về biện pháp bảo vệ được áp dụng; đề nghị thay đổi biện pháp bảo vệ nếu có căn cứ cho rằng biện pháp đó không bảo đảm an toàn; được từ chối áp dụng biện pháp bảo vệ;

- Yêu cầu gia hạn thời hạn bảo vệ; yêu cầu bảo vệ lại;

- Được bồi thường theo quy định của pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong trường hợp người tố cáo yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền áp dụng biện pháp cần thiết để bảo vệ mình mà các cơ quan, tổ chức, cá nhân đó không áp dụng hoặc áp dụng không kịp thời, không đúng quy định của pháp luật, gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tài sản, tổn thất về tinh thần cho người được bảo vệ.

Bên cạnh đó, để bảo đảm cho các quyền của mình, thì thầy X cần thực hiện các nghĩa vụ sau:

- Gửi văn bản yêu cầu bảo vệ trong trường hợp quy định tại các điều 37 (Bảo vệ người tố cáo tại nơi công tác, làm việc), 38 (Bảo vệ người tố cáo tại nơi cư trú) và 39 (Bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm, uy tín của người tố cáo) của Luật Tố cáo năm 2011 đến người giải quyết tố cáo hoặc cơ quan, tổ chức khác có thẩm quyền áp dụng biện pháp bảo vệ người tố cáo. Trong trường hợp khẩn cấp, có thể gặp trực tiếp hoặc thông qua các hình thức thông tin khác để yêu cầu được bảo vệ ngay nhưng sau đó phải gửi văn bản yêu cầu chính thức đến cơ quan, tổ chức có thẩm quyền áp dụng biện pháp bảo vệ;

- Cung cấp thông tin, tài liệu, căn cứ xác định việc bị xâm phạm hoặc đe dọa xâm phạm tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm, uy tín hoặc quyền, lợi ích hợp pháp khác là xác thực và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, tài liệu đã cung cấp;

- Tuân thủ yêu cầu mà cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bảo vệ đưa ra có liên quan đến công tác bảo vệ; không được tiết lộ biện pháp bảo vệ cho người khác biết.

81. Ông C làm trợ lý giám đốc tại công ty X được 8 năm, trong quá trình công tác, ông C phát hiện Phó giám đốc công

ty và kế toán đã câu kết với nhau làm nhiều giấy tờ, hóa đơn giả để lấy tiền của công ty. Ông C định làm đơn tố cáo lên ban Giám đốc, nhưng lại không muốn tiết lộ thông tin về mình do đã làm việc cùng nhau trong thời gian dài. Vậy xin hỏi ông C có được yêu cầu cơ quan giữ bí mật thông tin cho mình không?

Ông C có quyền yêu cầu cơ quan giữ bí mật thông tin tố cáo của mình. Theo quy định tại Điều 36 Luật Tố cáo năm 2011 về bảo vệ bí mật thông tin về người tố cáo thì: Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền khi tiếp nhận tố cáo, giải quyết tố cáo, khai thác, sử dụng thông tin, tài liệu do người tố cáo cung cấp có trách nhiệm giữ bí mật họ, tên, địa chỉ, bút tích và các thông tin cá nhân khác của người tố cáo; đồng thời phải áp dụng biện pháp cần thiết theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền có biện pháp cần thiết để giữ bí mật thông tin và bảo vệ cho người tố cáo.

82. Nhiều người lao động muốn thực hiện quyền tố cáo đối với các hành vi vi phạm pháp luật xảy ra tại cơ quan, tổ chức nơi mình công tác nhưng lại sợ bị ảnh hưởng tới công việc, thậm chí có thể bị đuổi việc. Vậy, pháp luật có quy định gì để bảo vệ người tố cáo tại nơi công tác, làm việc?

Điều 37 Luật Tố cáo năm 2011 có quy định về bảo vệ người tố cáo tại nơi công tác, làm việc như sau:

- Người tố cáo là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đang công tác, làm việc tại cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế và các cơ quan, tổ chức khác được bảo đảm vị trí công tác, không bị phân biệt đối xử về việc làm dưới mọi hình thức.

- Người có thẩm quyền quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động không được phân biệt đối xử về việc làm đối với người tố cáo; không được trả thù, trù dập, đe dọa, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người tố cáo.

- Khi người tố cáo có căn cứ cho rằng mình bị phân biệt đối xử về việc làm dẫn đến giảm thu nhập, gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của mình thì có quyền yêu cầu người đã giải quyết tố cáo hoặc người đứng đầu cơ quan cấp trên trực tiếp của người có thẩm quyền quản lý, sử

dụng mình có biện pháp xem xét, xử lý đối với người có hành vi đó; người tố cáo là người làm việc theo hợp đồng lao động có quyền yêu cầu tổ chức công đoàn cơ sở, cơ quan quản lý lao động địa phương có biện pháp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

- Khi nhận được yêu cầu của người tố cáo, người có thẩm quyền có trách nhiệm kiểm tra, xác minh; nếu yêu cầu của người tố cáo là chính đáng thì áp dụng các biện pháp theo thẩm quyền hoặc yêu cầu người có thẩm quyền áp dụng biện pháp để bảo vệ như sau:

+ Đình chỉ, tạm đình chỉ, hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ quyết định xử lý kỷ luật hoặc quyết định khác xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của người tố cáo;

+ Khôi phục vị trí công tác, vị trí việc làm, các khoản thu nhập và lợi ích hợp pháp khác từ việc làm cho người tố cáo;

+ Xử lý kịp thời người có hành vi trả thù, trù dập, đe dọa làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người tố cáo;

+ Các biện pháp bảo vệ khác theo quy định của pháp luật.

Người luật **83.** **tố cáo sẽ được pháp luật** **bảo vệ như thế nào tại nơi cư trú?**

Điều 38 Luật Tố cáo năm năm 2011 quy định về bảo vệ người tố cáo tại nơi cư trú như sau:

- Người tố cáo không bị phân biệt đối xử trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của công dân tại nơi cư trú.

- Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm bảo đảm để người tố cáo không bị phân biệt đối xử, trả thù, trù dập, đe dọa, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người tố cáo.

- Khi người tố cáo có căn cứ cho rằng mình bị phân biệt đối xử trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của công dân tại nơi cư trú thì có quyền yêu cầu người đã giải quyết tố cáo để người giải quyết tố cáo yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền có biện pháp bảo vệ, khôi phục các quyền và lợi ích hợp pháp của người tố cáo đã bị

xâm phạm, đồng thời xem xét, xử lý người có hành vi vi phạm.

- Khi nhận được yêu cầu của người giải quyết tố cáo về việc áp dụng biện pháp bảo vệ đối với người tố cáo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân có trách nhiệm kiểm tra, xác minh, quyết định áp dụng các biện pháp theo thẩm quyền để bảo vệ như sau:

+ Đình chỉ, tạm đình chỉ, hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ quyết định hành chính, hành vi hành chính xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của người tố cáo;

+ Khôi phục các quyền và lợi ích hợp pháp của người tố cáo đã bị xâm phạm;

+ Xử lý kịp thời, nghiêm minh đối với người có hành vi xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người tố cáo;

+ Các biện pháp bảo vệ khác theo quy định của pháp luật.

84. **Đề nghị cho biết Luật Tố cáo quy định việc bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm, uy tín của người tố cáo như thế nào?**

Điều 39 Luật Tố cáo năm năm 2011 quy định về bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm, uy tín của người tố cáo như sau:

- Khi người giải quyết tố cáo nhận được thông tin người tố cáo bị đe dọa, trả thù, trù dập thì có trách nhiệm chỉ đạo hoặc phối hợp với cơ quan công an hoặc cơ quan khác có thẩm quyền có biện pháp kịp thời ngăn chặn, bảo vệ người tố cáo và đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật đối với người có hành vi đe dọa, trả thù, trù dập người tố cáo.

- Khi người tố cáo có căn cứ cho rằng việc tố cáo có thể gây nguy hại đến tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm, uy tín của mình hoặc người thân thích của mình thì có quyền yêu cầu người giải quyết tố cáo hoặc cơ quan công an áp dụng biện pháp bảo vệ cần thiết.

- Trường hợp yêu cầu của người tố cáo là chính đáng thì người giải quyết tố cáo hoặc cơ quan công an kịp thời áp dụng các biện pháp hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền áp

dụng các biện pháp sau đây để bảo vệ người tố cáo và người thân thích của họ:

+ Bố trí nơi tạm lánh khi người tố cáo, người thân thích của họ có nguy cơ bị xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe;

+ Bố trí lực lượng, phương tiện, công cụ để trực tiếp bảo vệ an toàn tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm, uy tín cho người tố cáo và người thân thích của họ tại nơi cần thiết;

+ Áp dụng biện pháp ngăn chặn, xử lý hành vi xâm hại hoặc đe dọa xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm, uy tín của người tố cáo và người thân thích của người tố cáo theo quy định của pháp luật;

+ Các biện pháp bảo vệ khác theo quy định của pháp luật.

VI. TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC TRONG VIỆC QUẢN LÝ CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT TỐ CÁO

85. Xin hỏi trách nhiệm của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm toán Nhà nước, cơ quan khác của Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội đối với công tác giải quyết tố cáo được pháp luật quy định như thế nào?

Điều 42 Luật Tố cáo năm 2011 quy định trách nhiệm của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm toán Nhà nước, cơ quan khác của Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội đối với công tác giải quyết tố cáo như sau:

- Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán Nhà nước, các cơ quan khác của Nhà nước, cơ quan của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình quản lý công tác giải quyết tố cáo; định kỳ thông báo với Chính phủ về công tác giải quyết tố cáo trong phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức mình.

- Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, các cơ quan của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình quản lý công tác giải quyết tố cáo; định kỳ thông báo với Ủy ban nhân dân cùng cấp về công tác giải quyết tố cáo trong phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức mình.

86. Trách nhiệm phối hợp trong công tác giải quyết tố cáo được pháp luật quy định như thế nào ?

Trách nhiệm phối hợp trong công tác giải quyết tố cáo được quy định tại Điều 43 Luật Tố cáo năm 2011, theo đó:

- Trong trường hợp cần thiết, Thủ tướng Chính phủ làm việc với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện làm việc với Chánh

án Toà án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp để phối hợp trong công tác giải quyết tố cáo.

- Chính phủ, Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao định kỳ báo cáo Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước và thông báo đến Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về công tác giải quyết tố cáo.

- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Chính phủ về công tác giải quyết tố cáo trong phạm vi quản lý của cơ quan mình theo định kỳ hoặc theo yêu cầu của Chính phủ.

- Ủy ban nhân dân, Toà án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân định kỳ báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp, cơ quan cấp trên và thông báo đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp về công tác giải quyết tố cáo trong phạm vi địa phương và lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của mình.

87. Pháp luật quy định về chức năng giám sát của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận trong công tác giải quyết tố cáo như thế nào?

Điều 44 Luật Tố cáo năm 2011 quy định về việc giám sát của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận trong công tác giải quyết tố cáo như sau:

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận động viên nhân dân, hội viên của mình nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật về tố cáo; giám sát việc thi hành pháp luật về tố cáo và giải quyết tố cáo.

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận có trách nhiệm tổ chức việc tiếp công dân đến tố cáo, khiếu nại, kiến nghị, phản ánh; khi nhận được tố cáo thì nghiên cứu, chuyển đến người có thẩm quyền giải quyết tố cáo.

- Tố cáo do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận chuyển đến phải được người giải quyết tố cáo xem xét, giải quyết và trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày có quyết định xử lý, phải

thông báo bằng văn bản cho tổ chức đã chuyển đơn đến biết kết quả giải quyết; nếu không đồng ý với kết quả giải quyết đó thì tổ chức đã chuyển đơn có quyền kiến nghị cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp của người giải quyết tố cáo xem xét, giải quyết; cơ quan, tổ chức hữu quan có trách nhiệm trả lời kiến nghị đó trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày có quyết định xử lý.

MỤC LỤC

		thành phố thuộc tỉnh	23
	Lời giới thiệu		5
	PHẦN THỨ NHẤT: LUẬT KHIẾU NẠI		7
I.	NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG		9
1.	Khiếu nại là gì? Mục đích của khiếu nại		7
2.	Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong giải quyết khiếu nại và phối hợp giải quyết khiếu nại		9
3.	Những hành vi bị cấm khi thực hiện khiếu nại và giải quyết khiếu nại		10
II.	KHIẾU NẠI QUYẾT ĐỊNH HÀNH CHÍNH, HÀNH VI HÀNH CHÍNH		12
4.	Trình tự khiếu nại		12
5.	Đơn khiếu nại		13
6.	Thời hiệu khiếu nại		14
7.	Rút khiếu nại		15
8.	Các khiếu nại không được thụ lý giải quyết		15
9.	Nghĩa vụ của người khiếu nại		16
10.	Nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân bị khiếu nại		17
11.	Quyền và nghĩa vụ của người giải quyết khiếu nại lần đầu		18
12.	Quyền và nghĩa vụ của người giải quyết khiếu nại lần hai		19
13.	Quyền, nghĩa vụ của luật sư, trợ giúp viên pháp lý		21
III.	GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI		23
14.	Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh		23
15.	Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện		23
16.	Thẩm quyền của Thủ trưởng cơ quan thuộc sở và cấp tương đương		24
17.	Thẩm quyền của Giám đốc sở và tương đương		24
18.	Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		25
19.	Thẩm quyền giải quyết khiếu nại của Thủ trưởng cơ quan thuộc bộ, thuộc cơ quan ngang bộ, thuộc cơ quan thuộc Chính phủ		26
20.	Thẩm quyền của Bộ trưởng		27
21.	Thụ lý giải quyết khiếu nại và thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu		28
22.	Xác minh nội dung khiếu nại		28
23.	Tổ chức đối thoại		30
24.	Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu		31
25.	Khiếu nại lần hai		32
26.	Những trường hợp được áp dụng biện pháp khẩn cấp		32
27.	Thụ lý giải quyết khiếu nại lần hai và thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai		33
28.	Xác minh nội dung khiếu nại lần hai và tổ chức đối thoại lần hai		34
29.	Nội dung quyết định giải quyết khiếu nại lần hai		36
30.	Gửi, công bố quyết định giải quyết khiếu nại		37
31.	Khởi kiện vụ án hành chính		38
32.	Hiệu lực pháp luật của quyết định giải quyết khiếu nại		39
33.	Người có trách nhiệm thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại có		

	hiệu lực pháp luật	39			50
34.	Trách nhiệm thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật	40	V. TIẾP CÔNG DÂN		51
IV. KHIẾU NẠI, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI QUYẾT ĐỊNH KỶ LUẬT CÁN BỘ, CÔNG CHỨC		42	46.	Trụ sở tiếp công dân, địa điểm tiếp công dân khi họ đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	51
35.	Thời hiệu khiếu nại đối với các vụ việc giải quyết khiếu nại kỷ luật cán bộ, công chức	42	47.	Quyền và nghĩa vụ của người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại trụ sở tiếp công dân, địa điểm tiếp công dân	52
36.	Hình thức khiếu nại đối với quyết định kỷ luật cán bộ, công chức	43	48.	Thời gian tiếp công dân của người đứng đầu cơ quan, tổ chức trong việc tiếp công dân	52
37.	Thời hạn thụ lý và giải quyết khiếu nại quyết định kỷ luật cán bộ, công chức	43	49.	Trách nhiệm của cán bộ tiếp công dân, người phụ trách trụ sở, địa điểm tiếp công dân	54
38.	Thẩm quyền giải quyết khiếu nại đối với quyết định xử lý kỷ luật của cán bộ, công chức	44	VI. TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CÓ THẨM QUYỀN TRONG VIỆC QUẢN LÝ CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI		57
39.	Xác minh nội dung khiếu nại trong quyết định xử lý kỷ luật cán bộ, công chức	45	50.	Cơ quan có trách nhiệm quản lý nhà nước về công tác giải quyết khiếu nại	57
40.	Tổ chức đối thoại trong giải quyết khiếu nại quyết định xử lý kỷ luật cán bộ, công chức	46	51.	Hoạt động phối hợp trong công tác giải quyết khiếu nại	58
41.	Nội dung quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu quyết định kỷ luật cán bộ, công chức	47	52.	Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận trong công tác giải quyết khiếu nại	59
42.	Thành phần tham gia đối thoại giải quyết khiếu nại quyết định kỷ luật cán bộ, công chức	48		PHẦN THỨ HAI: LUẬT TỐ CÁO	62
43.	Quyết định giải quyết khiếu nại đối với quyết định kỷ luật cán bộ, công chức lần hai	48	I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG		62
44.	Hiệu lực của quyết định giải quyết khiếu nại quyết định kỷ luật cán bộ, công chức	49	53.	Tố cáo là gì? Các hành vi được coi là hành vi vi phạm pháp luật bị tố cáo	62
45.	Thi hành quyết định giải quyết khiếu nại đối với quyết định kỷ luật cán bộ, công chức có hiệu lực pháp luật		54.	Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong việc tiếp nhận, giải quyết tố cáo	63

55.	Trách nhiệm phối hợp của các cơ quan, tổ chức trong việc giải quyết tố cáo	64	64.	Thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội	76
56.	Những hành vi bị nghiêm cấm theo quy định của Luật Tố cáo	65	65.	Thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của người được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ mà không phải là cán bộ, công chức, viên chức	76
II.	QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI TỐ CÁO, NGƯỜI BỊ TỐ CÁO VÀ NGƯỜI GIẢI QUYẾT TỐ CÁO	68	66.	Trình tự giải quyết tố cáo	77
57.	Quyền và nghĩa vụ của người tố cáo	68	67.	Hình thức tố cáo	78
58.	Quyền và nghĩa vụ của người bị tố cáo	69	68.	Thời hạn tiếp nhận, xử lý thông tin tố cáo	78
59.	Quyền và nghĩa vụ của người giải quyết tố cáo	71	69.	Thời hạn giải quyết tố cáo	80
III.	GIẢI QUYẾT TỐ CÁO ĐỐI VỚI HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC TRONG VIỆC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, CÔNG VỤ	72	70.	Xác minh nội dung tố cáo	80
60.	Nguyên tắc xác định thẩm quyền trong Luật Tố cáo	72	71.	Kết luận nội dung tố cáo	82
61.	Thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ, công chức trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ trong cơ quan hành chính nhà nước	73	72.	Người giải quyết tố cáo tiến hành xử lý sau khi có kết luận nội dung tố cáo	82
62.	Thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức trong cơ quan khác của Nhà nước	74	73.	Gửi kết luận nội dung tố cáo	83
63.	Thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ của viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập	75	74.	Việc tố cáo tiếp, giải quyết vụ việc tố cáo tiếp	84
			75.	Nội dung hồ sơ vụ việc tố cáo	84
			76.	Công khai kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm tố cáo	85
			IV.	GIẢI QUYẾT TỐ CÁO ĐỐI VỚI HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG CÁC LĨNH VỰC	87
			77.	Thẩm quyền giải quyết tố cáo	87
			78.	Trình tự, thủ tục giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về quản lý nhà nước trong các lĩnh vực có nội dung rõ ràng, chứng cứ cụ thể, có cơ sở để xử lý ngay	88

V.	BẢO VỆ NGƯỜI TỐ CÁO	89
79.	Phạm vi, đối tượng và thời hạn bảo vệ người tố cáo	89
80.	Quyền và nghĩa vụ của người tố cáo được bảo vệ	89
81.	Bảo vệ bí mật thông tin về người tố cáo	91
82.	Bảo vệ người tố cáo tại nơi công tác, làm việc	92
83.	Bảo vệ người tố cáo tại nơi cư trú	93
84.	Bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm, uy tín của người tố cáo	95
VI.	TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC TRONG VIỆC QUẢN LÝ CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT TỐ CÁO	97
85.	Trách nhiệm của Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, Kiểm toán Nhà nước, cơ quan khác của Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội đối với công tác giải quyết tố cáo	97
86.	Trách nhiệm phối hợp trong công tác giải quyết tố cáo	98
87.	Chức năng giám sát của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận trong công tác giải quyết tố cáo	98